

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
Mã chứng khoán: SHP
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028 3820.7795
Fax: 028 3820.7794
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh
Địa chỉ: 158/32 Nguyễn Văn Đậu, P7, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.
Điện thoại: Di động: 0903141474, cơ quan 028 3820.7795 (109)
Fax: 028 3820.7794
Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/05/2019 tại đường dẫn <http://shp.vn/quan-he-co-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Đính kèm:
Thư mời họp ĐHĐCĐ và tài liệu
ĐHĐCĐ thường niên 2019

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thành Tú Anh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Năng lượng của trách nhiệm

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2019

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Đại hội (**trang 3**);
2. Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (**trang 5 đến 10**);
3. Thông báo ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017 – 2022) (**trang 11 đến 20**);
4. Quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (**trang 21 đến 26**);
5. Quy chế biểu quyết và bầu cử bổ sung thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017 – 2022) (**trang 27 đến 34**);
6. Các biểu mẫu: thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu thành viên độc lập HĐQT, phiếu bầu thành viên BKS (**trang 35 đến 38**);
7. Báo cáo hoạt động SXKD 2018, kế hoạch 2019 (**trang 39 đến 50**);
8. Báo cáo của HĐQT 2018 (**trang 51 đến 58**);
9. Báo cáo của BKS 2018 (**trang 59 đến 68**);
10. Báo cáo tài chính 2018 đã kiểm toán (**trang 69 đến 94**);
11. Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS 2018, kế hoạch chi trả 2019 (**trang 95 đến 96**);
12. Trình phân phối lợi nhuận 2018, kế hoạch phân phối 2019 (**trang 97 đến 100**);
13. Trình chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2019 (**trang 101 đến 102**);
14. Trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và thành viên BKS (**trang 103 đến 106**);
15. Dự thảo nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2019 (**trang 107 đến 110**).

100

002



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Thời gian: 8 h 00, thứ năm, ngày 23 tháng 05 năm 2019

Địa điểm: Hội trường (Lầu 5) Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam
72 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

STT	Thời gian	Nội dung
1	07h00 – 8h00	Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông tham dự Đại hội
2	08h00 – 8h10	- Trưởng BKS báo cáo điều kiện tiến hành Đại hội - Tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu - Giới thiệu chủ tọa Đoàn chủ trì Đại hội
3	08h10 – 08h20	- Chủ tọa cử Thư ký Đại hội, thông qua chương trình, quy chế tổ chức Đại hội, quy chế Biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 - Giới thiệu và bầu Ban Kiểm phiếu
4	08h20 – 09h40	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 - Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2018 - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 - Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2019 - Trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 - Trình về việc chọn danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 - Miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017 - 2022)
5	09h40 – 10h10	Đại hội thảo luận các báo cáo đã được trình bày
6	10h10 – 10h30	Tiến hành biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình tại Đại Hội.
7	10h30 – 10h50	Đại hội nghỉ giải lao
8	10h50 – 11h10	Công bố kết quả biểu quyết, bầu cử
9	11h10 – 11h30	- Trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội - Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
10	11h30	Tuyên bố bế mạc Đại hội

Số: 15/TM-SHP-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2019

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019, cụ thể như sau:

1. Thời gian và địa điểm tổ chức:

- Thời gian: 08 giờ 00, thứ năm, ngày 23/05/2019 (đón khách từ 07 giờ 00)
- Địa điểm: Hội trường Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (lầu 05)
72 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM.

2. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;
- Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2018;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS) năm 2018;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018;
- Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2019;
- Trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019;
- Trình về việc chọn danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019;
- Miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017 – 2022).

3. Thành phần và điều kiện tham dự đại hội:

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của SHP theo danh sách chốt ngày 25/04/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Trong trường hợp không thể tham dự họp, Quý cổ đông có thể ủy quyền (theo mẫu) cho người đại diện của mình hoặc cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

005

- Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng mang theo: thư mời họp, bản gốc CMND/Thẻ căn cước công dân/hộ chiếu, Giấy ủy quyền bản chính (nếu được ủy quyền).

4. Tài liệu về cuộc họp Đại hội:

Các tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội sẽ được đăng tải trên website: www.shp.vn mục "Quan hệ cổ đông" kể từ ngày 07/05/2019.

Quý cổ đông có nhu cầu nhận tài liệu có thể liên hệ theo một trong hai cách sau:

- Nhận tài liệu trực tiếp tại văn phòng Công ty: P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM.
- Nhận tài liệu qua đường bưu điện: Cổ đông có nhu cầu nhận tài liệu qua đường bưu điện xin hệ: Cô Trần Ngọc Bảo Thy – 028.22100436 hoặc 028.38207795 (111)

5. Đăng ký tham dự:

Để việc tổ chức Đại hội được thành công, xin Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc đăng ký tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự đại hội (theo mẫu đính kèm) gửi về Công ty trước 16 giờ ngày 22/05/2019 (quý cổ đông có thể fax trước, tuy nhiên khi đến tham dự Đại hội cần đem theo bản chính) về địa chỉ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM.

Điện thoại: 028.38207795 (111), Fax: 028.38207794

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- P.TH, P.TCKT;
- Lưu VT, Thư ký.



006



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (028) 3820 7795 Fax: (028) 3820 7794

....., ngàytháng.....năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN
(Mẫu sử dụng cho tập thể)
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Chúng tôi là những người ký tên dưới đây (Đính kèm danh sách) đang là cổ đông và sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày **25/04/2019**.

Nay chúng tôi ủy quyền cho (vui lòng đánh dấu “ X” để chọn).

- Chủ tịch Hội đồng quản trị – Đoàn Đức Hưng**
- Tổng Giám Đốc – Ông Thang Thanh Hà**
- Khác: (vui lòng điền thông tin bên dưới)**

Họ và tên:

Số CMND :.....ngày cấp.....nơi cấp

Được quyền thay thế chúng tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam, tổ chức vào **ngày 23/05/2019**.

Cam kết: Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam, đồng thời cam kết không đưa ra một khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)



....., ngàytháng.....năm 2019

GIẤY ỦY QUYỀN
(Mẫu sử dụng cho cá nhân)

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ) THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

1. Bên Ủy Quyền:

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức)
Số CMND/Thẻ căn cước công dân (CCCD)/ Hộ chiếu/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN):
Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Tổng số cổ phần sở hữu:.....(theo danh sách chốt quyền ngày 25/04/2019).

2. Bên Được Ủy quyền:

Tên cá nhân/Tổ chức:
Số CMND/ CCCD/GCNĐKDN:
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên trong ban điều hành của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (đánh dấu "X" vào ô để chọn):

Chủ tịch Hội đồng quản trị – Ông Đoàn Đức Hưng

Tổng Giám Đốc – Ông Thang Thanh Hà

3. Nội dung ủy quyền:

Bên Ủy Quyền ủy quyền cho Bên Được Ủy Quyền thực hiện (đánh dấu "X" vào các ô tương ứng:

- Số lượng cổ phần được ủy quyền :

Toàn bộ Một phần ¹.....

- Phạm vi ủy quyền:

Tham dự ĐHĐCĐ Tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết

Bên Được Ủy Quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền theo Giấy ủy quyền này và không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc ĐHĐCĐ 2019

Bên Ủy Quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Bên Được Ủy Quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

010

009

¹ Cung cấp số lượng cổ phần được ủy quyền.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: 028 3820 7795 Fax: 028 3820 7794

....., ngàytháng.....năm 2019

THƯ XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):
Số CMND/Thẻ căn cước công dân (CCCD)/ Hộ chiếu/ Giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp (GCNĐKDN):.....cấp ngày: nơi cấp:.....
Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:.....
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Tổng số cổ phần đại diện.....cổ phần (sở hữu đến ngày 25/04/2019).
Trong đó:

- Số cổ phần cá nhân sở hữu:.....cổ phần.
- Số cổ phần được ủy quyền:.....cổ phần.

Nay xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam vào ngày 23/05/2019

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

✕-----

GHI CHÚ:

- Khi gửi phiếu đăng ký về Công ty xin gửi kèm bản chính giấy ủy quyền (nếu có – áp dụng cho trường hợp người đăng ký là người được ủy quyền)
- Phiếu đăng ký và giấy ủy quyền (nếu có) xin gửi về Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam trước 16h ngày 22/05/2019 theo địa chỉ:

✕-----

Phòng Tài Chính Kế Toán

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

**P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Quận 1,
Tp.HCM**

Điện thoại: 028.3820 7795-111, Fax: 028.3820 7794

Số: **16** /TB-SHP-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (HĐQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ IV (2017-2022)

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam;
- Căn cứ đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Lê Xuân Hải;
- Căn cứ đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của ông Hoàng Minh Dũng.

Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam (SHP) trân trọng thông báo về việc ứng cử, đề cử bầu bổ sung một (01) thành viên độc lập HĐQT, một (01) thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017-2022).

1. Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử viên làm thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS:

a. **Tiêu chuẩn làm thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS:**
Thành viên HĐQT/BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện đáp ứng theo Quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ, Khoản 1, 2 Điều 151, Điều 164 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1, 2 Điều 17, Điều 30 Quy chế nội bộ về quản trị SHP.

b. **Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS:**
(Khoản 1, 2 Điều 25, Khoản 1 Điều 36 Điều lệ SHP và Khoản 1 Điều 18, Khoản 1 Điều 31 Quy chế nội bộ về quản trị SHP).

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn **liên tục từ sáu (06) tháng*** có quyền gộp số cổ phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT/BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử/ứng cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử/ứng cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.



(*) Thời hạn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng tính tới ngày 25/04/2019 (ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019).

2. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS:

Các cổ đông đủ tiêu chuẩn đề cử, ứng cử để tham gia bầu vào thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS gửi hồ sơ đề cử, ứng cử bao gồm:

- ✓ Đơn đề cử, ứng cử tham gia thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS (theo mẫu)
- ✓ Biên bản họp nhóm đề cử, ứng cử viên (theo mẫu)
- ✓ Bản chính kê khai lý lịch (theo mẫu)
- ✓ Bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân.
- ✓ Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn
- ✓ Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông:
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Bản sao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Giấy xác nhận sở hữu số cổ phần của Công ty chứng khoán nơi cổ đông lưu ký.

Quy cổ đông lưu ý: Người ứng cử, được đề cử vào chức danh thành viên HĐQT/BKS phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHCĐ của SHP về tính chính xác, trung thực của hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

3. Lựa chọn các ứng cử viên:

Căn cứ Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, HĐQT SHP sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định bầu vào HĐQT/BKS nhiệm kỳ IV (2017-2022) và trình ĐHCĐ thường niên năm 2019 của Công ty thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

4. Thời hạn và địa chỉ gửi hồ sơ:

Hồ sơ ứng cử/đề cử vào HĐQT/BKS phải được gửi bản gốc và SHP nhận được chậm nhất trước 16h30 ngày 15/05/2019 theo địa chỉ:

Phòng Tài Chính kế toán – Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
P.106 Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.HCM.
Điện thoại: 028.38207795(Ext:111), Fax: 028.38207794

Nếu quá thời gian nêu trên mà số lượng các ứng viên HĐQT/BKS đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì HĐQT/BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Để biết thêm chi tiết, Quý cổ đông có thể truy cập trang thông tin điện tử của Công ty theo địa chỉ: www.shp.vn

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- P.TH, P.TCKT;
- Lưu VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đoàn Đức Hưng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỢP NHÓM ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT), THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT (BKS) NHIỆM KỶ IV (2017-2022)**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông gồm:

Stt	Họ và tên	Số CMND	Số CP sở hữu/đại diện	Tỷ lệ sở hữu	Chữ ký
1					
2					
3					
Tổng cộng					

Tổng số cổ phần đang sở hữu/đại diện sở hữu đến thời điểm hiện tại: cổ phần
(Bằng chữ: cổ phần)
tương ứng với:% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Sau khi nghiên cứu các tiêu chuẩn đề cử tại *Thông báo ứng cử, đề cử bổ sung thành viên độc lập HDQT, thành viên BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam*, tôi/chúng tôi trân trọng đề cử:

Ông (bà):

Số CMND/Hộ chiếu:ngày cấp:nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ chuyên môn:

Tham gia ứng cử (đánh dấu X vào ô lựa chọn):

Thành viên độc lập HDQT

Thành viên Ban kiểm soát

của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam nhiệm kỳ IV (2017-2022).

Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung đơn này và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Thông báo ứng cử, đề cử bổ sung thành viên độc lập HDQT/thành viên BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày ... tháng ... năm 2019

NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai (có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú).
- Bản sao hợp lệ: Chứng minh nhân dân/hộ chiếu, Hộ khẩu thường trú;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng nhận trình độ học vấn.

ĐƠN ỨNG CỬ

**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT), THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT (BKS) NHIỆM KỲ IV (2017-2022)**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

Tôi tên là:

Số CMND/Hộ chiếu: cấp ngày: tại:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Trình độ chuyên môn:

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:..... cổ phần)
trong thời gian liên tục 6 tháng liên tiếp trở lên, chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết
của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Sau khi nghiên cứu và xét thấy bản thân đã thỏa mãn các tiêu chuẩn ứng cử tại *Thông báo về việc ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV(2017-2022) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam*, tôi đề nghị được tham gia ứng cử bầu cử: (đánh dấu X vào ô lựa chọn)

Thành viên độc lập HĐQT

Thành viên Ban kiểm soát

của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam nhiệm kỳ IV (2017-2022).

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung đơn này và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày ... tháng ... năm 2019

Ứng cử viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú).
2. Bản sao giấy tờ tùy thân;
3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn;
4. Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN ỨNG CỬ

(Cổ đông là tổ chức)

**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT), THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT (BKS) NHIỆM KỲ IV (2017-2022)**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Tên tổ chức ủy quyền:.....
Địa chỉ:
Số đăng ký doanh nghiệp.....
Điện thoại:..... Fax..... Email:.....
Số tài khoản:
Sở hữu số cổ phần của SHP:.....
(Bằng chữ.....)

ĐỒNG Ý ỦY QUYỀN CHO

Ông/Bà:..... Sinh ngàytháng.....năm.....
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Điện thoại:..... Fax..... Email:.....
Đại diện cho tất cả số cổ phần mà.....(tên tổ chức ủy quyền)
đang sở hữu để tham gia ứng cử (đánh dấu X vào ô lựa chọn):

Thành viên độc lập HĐQT

Thành viên Ban kiểm soát

tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Ông/Bàcó nghĩa vụ thực hiện Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế biểu quyết và bầu cử tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019** của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam, không ủy quyền lại cho người khác.

Giấy ủy quyền này không bao gồm việc ủy quyền cho Ông/Bà.....
thay mặt.....(tên tổ
chức ủy quyền) tham dự và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019** của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

....., ngày ... tháng ... năm 2019

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ chức ủy quyền
(Ký và đóng dấu cơ quan)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN ỨNG CỬ

(Cổ đông là cá nhân)

**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT), THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT (BKS) NHIỆM KỲ IV (2017-2022)**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Tôi tên là: Sinh ngày tháng năm
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu Ngày cấp: Nơi cấp:
Điện thoại: Fax Email:
Sở hữu số cổ phần SHP: (Bằng chữ:)

ĐỒNG Ý ỦY QUYỀN CHO

Ông /Bà: Sinh ngày tháng năm
Địa chỉ:
Số CMND/Hộ chiếu Ngày cấp: Nơi cấp:
Điện thoại: Fax Email:

Đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi đang sở hữu để tham gia ứng cử (đánh dấu X vào ô lựa chọn): Thành viên độc lập HĐQT Thành viên Ban kiểm soát

tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Ông/Bà có nghĩa vụ thực hiện Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế biểu quyết và bầu cử tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019** của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam, không ủy quyền lại cho người khác.

Giấy ủy quyền này không bao gồm việc ủy quyền cho Ông/Bà thay mặt tôi tham dự và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019** của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị pháp lý như nhau.

....., ngày ... tháng ... năm 2019

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ IV (2017 - 2022)
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh: Quốc tịch:
4. Nơi sinh:
5. Số CMND: ngày cấp: nơi cấp:
6. Dân tộc:
7. Địa chỉ thường trú:
8. Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động:
9. Địa chỉ email:
10. Trình độ chuyên môn:
11. Quá trình công tác:
+ Từ ... đến ... :
- + Từ ... đến ... :
- + Từ ... đến nay:
12. Các chức vụ công tác hiện nay:
13. Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm), trong đó: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ.
+ Đại diện phần vốn của
..... cổ phần, chiếm % vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ.
14. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam:
14.1 *Mối quan hệ:*, *Tên cá nhân/tổ chức:*
nắm giữ: CP, chiếm % vốn điều lệ
14.2 *Mối quan hệ:*, *Tên cá nhân/tổ chức:*
nắm giữ: CP, chiếm % vốn điều lệ

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan công tác/địa phương nơi
cư trú

....., ngày tháng năm 2019

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

819

020



QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) xây dựng Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

CHƯƠNG I : NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- CMND : Chứng minh nhân dân
- CCCD : Căn cước công dân
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)





CHƯƠNG II : NỘI DUNG QUY CHẾ

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có thành viên tham dự là các đại biểu đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

5.1. *Điều kiện tham dự Đại hội:* Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 25/04/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

5.2. *Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:*

- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;
- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;
- Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;
- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và các tài liệu ngay sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban đón tiếp cổ đông;
- Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

5.3. Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại quy chế này;
- Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
- Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội;
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ phải mang theo giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), giấy tờ tùy thân (CMND/CCCD/hộ chiếu) và thư mời tham dự nộp cho Ban đón tiếp cổ đông;
- Cổ đông đến tham dự đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban đón tiếp cổ đông và nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại;
- Nghiêm túc chấp hành nội quy Đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời sẽ tham gia phát biểu tại Đại hội (khi được Chủ tọa Đại hội mời hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Chủ tọa Đại hội

- Chủ tịch HĐQT là người chủ trì, chủ tọa ĐHĐCĐ.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tọa:
 - Điều hành Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội;
 - Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa đoàn;
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
 - Chủ tọa cử người làm thư ký Đại hội lập biên bản họp ĐHĐCĐ;
 - Hướng dẫn các đại biểu thảo luận;
 - Trình bày các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
 - Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.





Điều 8. Thư ký Đại hội

- Thư ký Đại hội do Chủ tọa đề cử.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của thư ký:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu;
 - Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.

Điều 9: Ban đón tiếp cổ đông dự Đại hội

- Ban đón tiếp cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội chỉ định.
- Nhiệm vụ của Ban đón tiếp cổ đông:
 - Tiếp nhận giấy tờ những người đến tham dự Đại hội xuất trình;
 - Kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội;
 - Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban đón tiếp cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 10. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

- Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ được lập bằng tiếng Việt và phải được lập xong trước khi bế mạc cuộc họp.
- Biên bản và Nghị quyết Đại hội được lưu giữ tại Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Điều 11. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của pháp luật.
- Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và có hiệu lực ngay khi được Đại hội thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đoàn Đức Hưng



250-

026



**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT),
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS) NHIỆM KỶ IV (2017 - 2022)
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) ban hành Quy chế biểu quyết và bầu cử bổ sung thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017-2022) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 1: Mục đích ban hành

Quy chế này được lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc và phương thức biểu quyết và bầu cử các nội dung trong Chương trình nghị sự tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty.

Điều 2: Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng trong việc biểu quyết các nội dung trong Chương trình nghị sự và bầu cử bổ sung thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017-2022) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 3: Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- SHP: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu: Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Biểu quyết: là việc Cổ đông thực hiện quyền cho ý kiến về nội dung, vấn đề cụ thể để nhằm xác định các nội dung, vấn đề đó có đủ điều kiện được ĐHĐCĐ thông qua.
- Chương trình nghị sự: là các nội dung trong Chương trình họp ĐHĐCĐ đã được HĐQT đề xuất để Cổ đông thực hiện biểu quyết.



Điều 4: Các quy định chung về biểu quyết

1. Đối tượng có quyền biểu quyết

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông thực hiện quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

2. Ban kiểm phiếu

2.1 Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban kiểm phiếu.

Ban tổ chức ĐHĐCĐ sẽ chuẩn bị và đề xuất với ĐHĐCĐ một Ban kiểm phiếu để chịu trách nhiệm cho công tác kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu này sẽ được các cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bầu tại ĐHĐCĐ theo hình thức biểu quyết công khai.

2.2 Số lượng thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba (03) thành viên. Thành phần và trách nhiệm Ban kiểm phiếu bao gồm:

- a) **Trưởng ban kiểm phiếu:** chịu trách nhiệm về thủ tục, trình tự và pháp lý trong việc thực hiện biểu quyết tại ĐHĐCĐ.
- b) **Thành viên phụ trách về số liệu, thống kê:** chịu trách nhiệm về việc đảm bảo tính chính xác của số liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở công tác nhập liệu, tính toán, thống kê số liệu về liên quan đến việc tiến hành ĐHĐCĐ và số liệu kiểm phiếu.
- c) **Thành viên giám sát kiểm phiếu:** chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện của Ban kiểm phiếu. ĐHĐCĐ có thể chỉ định nhân sự khác để thay thế hoặc bổ sung thành viên này để thực hiện công tác giám sát.

2.3 ĐHĐCĐ có thể lựa chọn trong số các đại biểu là cổ đông để thực hiện giám sát việc kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu.

3. Các công cụ để thực hiện biểu quyết

3.1 Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết

- a) Các Cổ đông/Người được ủy quyền bỏ phiếu sẽ thực hiện quyền biểu quyết thông qua các Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo mẫu do SHP ban hành có các nội dung chính được quy định tại Quy chế này.
- b) Các Cổ đông/Người được ủy quyền bỏ phiếu nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết bằng cách được in trực tiếp tại Đại hội sau khi Cổ đông/Người được ủy quyền hoàn thành khâu đăng ký, kiểm tra tư cách hợp lệ.



3.2 Thùng phiếu:

Phiếu biểu quyết khi được các Cổ đông/Người được ủy quyền bỏ phiếu thì sẽ được tập hợp bỏ vào các thùng phiếu. Thùng phiếu do Ban kiểm phiếu quản lý.

4. Áp dụng công nghệ thông tin trong kiểm phiếu

Đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong việc ghi nhận, tổng hợp thông tin, số liệu và tạo sự thuận tiện cho các Cổ đông thì việc thực hiện ghi nhận đăng ký tham dự, ghi nhận ý kiến biểu quyết và tổng hợp thông tin, số liệu sẽ được thông qua hệ thống máy tính và phần mềm được thiết kế phù hợp với các nguyên tắc biểu quyết.

Điều 5: Quy chế biểu quyết:

1. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết :

1.1 Thẻ biểu quyết

Trên thẻ biểu quyết có các nội dung chính như sau:

- Họ và tên
- Số thứ tự
- Số phiếu sở hữu
- Số phiếu được ủy quyền
- Tổng phiếu biểu quyết

1.2 Phiếu biểu quyết

Trên Phiếu biểu quyết có các nội dung chính như sau:

- Họ tên cổ đông
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu
- Tổng số phiếu biểu quyết
- Số phiếu sở hữu
- Số phiếu được ủy quyền
- Nội dung biểu quyết
- Tình trạng biểu quyết gồm:
 - Đồng ý
 - Không đồng ý
 - Không có ý kiến



2. Nguyên tắc, cách thức biểu quyết:

- 2.1 Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- 2.2 Hình thức biểu quyết bao gồm bỏ phiếu kín (phiếu biểu quyết) và biểu quyết công khai (thẻ biểu quyết) tại Đại hội.
- 2.3 Đối với mỗi nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết, Cổ đông/Người được ủy quyền chọn một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết bằng cách đánh dấu (V) vào tình trạng biểu quyết lựa chọn.
- 2.4 Đối với các nội dung biểu quyết mà Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban tổ chức sẽ phát Thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn.

3. Phân loại Phiếu biểu quyết:

3.1 Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu:

- a) Theo mẫu và có đóng dấu treo của SHP
- b) Phiếu không có tẩy xóa, cạo sửa những nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức.
- c) Đối với mỗi nội dung biểu quyết, Phiếu có chọn một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết của nội dung đó.

3.2 Phiếu biểu quyết không hợp lệ: các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ. Tuy nhiên, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

3.3 Phiếu trắng: là những phiếu được phát tại ĐHĐCĐ nhưng không được gửi về cho Ban kiểm phiếu.

4. Thu thập phiếu biểu quyết:

- 4.1 Đối với các Phiếu biểu quyết được phát tại ĐHĐCĐ, việc thu Phiếu biểu quyết sẽ được thực hiện khi các Cổ đông/Người được ủy quyền hoàn tất việc biểu quyết.
- 4.2 Phiếu biểu quyết được thu thập sẽ được lưu trữ tại Thùng phiếu.



5. **Điều kiện để các nội dung biểu quyết được thông qua:** Các nội dung biểu quyết thông qua khi đạt tỷ lệ biểu quyết tối thiểu quy định cụ thể tại Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy Điện Miền Nam.

6. **Kiểm tra và tổng hợp kết quả**

6.1 Phiếu biểu quyết sau khi được thu thập sẽ được kiểm tra về tính hợp lệ theo quy định tại Quy chế này.

6.2 Phiếu biểu quyết sau khi được kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm kiểm phiếu thì sẽ được tổng hợp để xác định kết quả kiểm phiếu. Khi tổng hợp kết quả, các Phiếu biểu quyết: (i) không hợp lệ, (ii) Phiếu chọn tình trạng Không có ý kiến, (iii) Phiếu trắng được tổng hợp chung là Không có ý kiến.

6.3 Trong trường hợp tại Đại hội phát sinh các nội dung biểu quyết mới hoặc điều chỉnh các nội dung hiện hữu của Chương trình nghị sự tỷ lệ biểu quyết sẽ được tính trên tỷ lệ các Cổ đông tham dự trực tiếp tại Đại hội.

6.4 Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo đúng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%) làm tròn đến ba (03) số thập phân.

6.5 Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết và lập thành Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

6.6 Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:

a) Số cổ phần biểu quyết cho từng nội dung biểu quyết, bao gồm tỷ lệ biểu quyết cho từng tình trạng biểu quyết: Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến.

b) Trưởng ban kiểm phiếu có trách nhiệm thay mặt Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

Điều 6: Quy chế bầu cử bổ sung thành viên độc lập HĐQT, thành viên BKS

1. **Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS** (theo hướng dẫn của khoản 1, 2 Điều 151 và Điều 164 của Luật Doanh nghiệp)

1.1 Số lượng thành viên độc lập HĐQT bầu bổ sung : một (01) người.





- 1.2 Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung: một (01) người
- 1.3 Nhiệm kỳ: 2017 - 2022
- 1.4 Số lượng ứng cử viên thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS tối đa: không giới hạn
- 1.5 Danh sách ứng cử viên thành viên độc lập HĐQT/thành viên BKS sẽ được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

2. Phiếu bầu cử

Trên Phiếu bầu cử có các thông tin sau:

- 2.1 Họ và tên cổ đông/đại diện:
- 2.2 Số thứ tự
- 2.3 Số cổ phần sở hữu
- 2.4 Số cổ phần được ủy quyền
- 2.5 Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:
- 2.6 Số phiếu bầu tối đa
- 2.7 Tổng hệ số phiếu bầu:
- 2.8 Danh sách các ứng cử viên
- 2.9 Hệ số phiếu bầu

3. Nguyên tắc, phương thức, cách thức bầu cử và xác định trúng cử

- 3.1 Việc bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 3.2 Cổ đông có thể chia hệ số phiếu bầu cho từng ứng cử viên nhưng tổng hệ số phiếu bầu không vượt quá số lượng thành viên được bầu. Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Trong trường hợp phân phối đều Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức tại Quy chế này. Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ cấp lại phiếu bầu cử mới và thu hồi phiếu cũ.



- 3.3 Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT, BKS được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên theo quy định pháp luật và Điều lệ.
- 3.4 Trường hợp hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì thực hiện bầu lại lần hai (02).
- 3.5 Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT, BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

4. Phân loại phiếu bầu cử và cách ghi Phiếu bầu cử:

4.1 Phiếu bầu hợp lệ:

- a) Theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra và có đóng dấu treo của SHP.
- b) Phiếu không có tẩy xóa, cạo sửa những nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng theo hướng dẫn của Ban tổ chức, không viết thêm nội dung khác ngoài trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức.
- c) Thực hiện bầu cử tuân thủ theo các nguyên tắc bầu dồn phiếu.

4.2 Phiếu bầu không hợp lệ: là những phiếu không đúng theo quy định của Phiếu bầu hợp lệ.

4.3 Phiếu trắng: là những phiếu không được gửi về Ban tổ chức

4.4 Cách ghi Phiếu bầu cử:

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu chỉ ghi vào cột Hệ số phiếu bầu. Tổng cộng hệ số bầu không được vượt quá hệ số lượng thành viên được bầu.
- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng thành viên được bầu.

5. Thu thập Phiếu bầu cử:

- 5.1 Việc thu Phiếu bầu cử sẽ được thực hiện sau khi các Cổ đông/ Người được ủy quyền hoàn tất việc biểu quyết.
- 5.2 Phiếu bầu cử được thu thập sẽ được lưu trữ tại Thùng phiếu.
- 5.3 Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).





5.4 Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu do Ban kiểm phiếu giám sát.

6. Kiểm tra và tổng hợp kết quả

- 6.1 Phiếu bầu cử sau khi được kiểm tra về tính hợp lệ sẽ được nhập liệu vào phần mềm kiểm phiếu thì sẽ được tổng hợp để xác định kết quả
- 6.2 Kết quả biểu quyết sẽ được xác định theo đúng nội dung biểu quyết và được tính theo phần trăm (%) làm tròn đến ba (03) số thập phân.
- 6.3 Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản bầu cử. Biên bản bầu cử được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng các nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.
- 6.4 Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:
 - a) Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên
 - b) Tổng số cổ phần có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội.
 - c) Tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên trên tổng số cổ phần có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội.
 - d) Trưởng Ban kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả bầu cử tại Đại hội.

Điều 7: Khiếu nại:

Những khiếu nại về biểu quyết sẽ được Ban tổ chức thu thập và chuyển đến Chủ tọa Đại hội giải quyết.

Điều 8: Hiệu lực thi hành:

- Quy chế biểu quyết này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội cổ đông thông qua.
- Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội cổ Đông thường niên năm 2019 của SHP kết thúc.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



034

Đoàn Đức Hưng



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3820 7795 Fax: (028) 3820 7794

MẪU

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên:

Số thứ tự:

Số phiếu sở hữu:

Số cổ phiếu được ủy quyền:

Tổng phiếu biểu quyết:



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-28) 3820 7795 Fax: (84-28) 3820 7794

MẪU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Ngày 23 tháng 05 năm 2019

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Số thứ tự :	01
Họ và tên :	NGUYỄN VĂN A
Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện	AAAA

Các nội dung biểu quyết:

Stt	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019			
2	Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2018			
3	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018			
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018			
5	Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS trong năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2019			
6	Trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019			
7	Trình về việc chọn danh sách đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019			

Hướng dẫn: Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn Một trong các phương án sau: **Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến** vào từng nội dung biểu quyết.

Cổ đông
(Ký và ghi họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3820 7795 Fax: (84-8) 3820 7794

MẪU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Ngày 23 tháng 05 năm 2019

PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Họ và tên cổ đông/đại diện :
Số thứ tự :
1. Số cổ phần sở hữu :
2. Số cổ phần được ủy quyền :
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:
4. Số phiếu bầu tối đa:
5. Tổng hệ số phiếu bầu:

STT	Họ tên ứng cử viên bầu Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	Hệ số phiếu bầu
1		
2		
3		

Ghi chú: Cổ đông chỉ ghi vào cột hệ số phiếu bầu (không đánh dấu X). Tổng hệ số phiếu bầu của các ứng viên Hội đồng Quản trị tối đa là Cổ đông có thể chia hệ số phiếu bầu cho từng ứng cử viên nhưng tổng hệ số phiếu bầu không vượt quá



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
SOUTHERN HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ: P.106, lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-28) 3820 7795 Fax: (84-28) 3820 7794

MẪU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Ngày 23 tháng 05 năm 2019

PHIẾU BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên cổ đông/đại diện :
Số thứ tự :
1. Số cổ phần sở hữu :
2. Số cổ phần được ủy quyền :
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:
4. Số phiếu bầu tối đa:
5. Tổng hệ số phiếu bầu:

STT	Họ tên ứng cử viên bầu Thành viên Ban Kiểm Soát	Hệ số phiếu bầu
1		
2		
3		

Ghi chú: Cổ đông chỉ ghi vào cột hệ số phiếu bầu (không đánh dấu X). Tổng hệ số phiếu bầu của các ứng viên Ban kiểm soát tối đa là Cổ đông có thể chia hệ số phiếu bầu cho từng ứng cử viên nhưng tổng hệ số phiếu bầu không vượt quá

Số: **286**/BC-SHP-KHKT

TP. HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO

Phần thứ nhất: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Phần thứ hai: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP thủy điện Miền Nam

Ngày 10/05/2018 Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị kế hoạch năm 2018 như sau:

- Tổng sản lượng phát điện 3 nhà máy : 614,0 triệu kWh.
- Tổng doanh thu : 590,6 tỷ đồng.

(Trong đó doanh thu phát điện 590,0 tỷ đồng)

Hôm nay, Công ty CP thủy điện Miền Nam kính xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

Phần thứ nhất

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

1. Mức chi trả cổ tức năm 2017 là 17%. Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông từ tháng 06/2018 với số tiền là 159,3 tỷ đồng.
2. Kế hoạch năm 2018:
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 155,4 tỷ đồng.
 - Trích quỹ đầu tư phát triển (10%) : 15,5 tỷ đồng.
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%) : 7,8 tỷ đồng.
 - Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 (16%) : 149,9 tỷ đồng.

Kế hoạch lợi nhuận năm 2018 dựa trên chỉ tiêu sản xuất điện của 3 nhà máy với

tổng sản lượng điện 614,0 triệu kWh, tổng doanh thu 590,6 tỷ đồng.

1) Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đến 31/12/2018:

- Tổng sản lượng là 636,6 triệu kWh bằng 103,7% kế hoạch.
- Tổng doanh thu là 620,4 tỷ đồng bằng 105,1% kế hoạch.

(Trong đó doanh thu phát điện là 619,3 tỷ đồng bằng 105,0% kế hoạch)

Nhà máy Đa M'Bri:

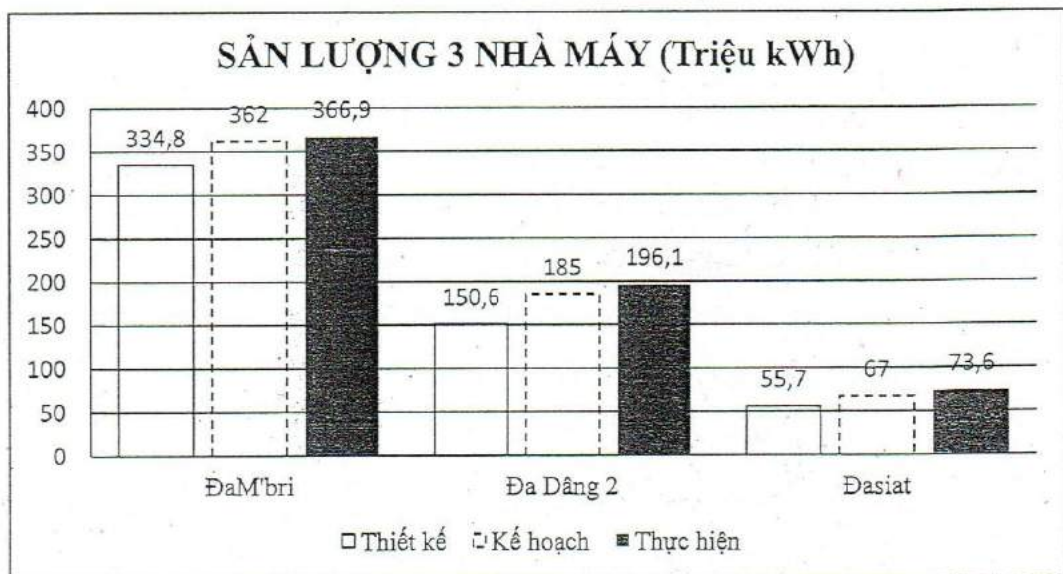
- Sản lượng điện: 366,9 triệu kWh bằng 101,3% kế hoạch.
- Doanh thu: 374,4 tỷ đồng bằng 99,6% kế hoạch.
- Doanh thu tăng thêm từ hoạt động thị trường điện so với giá hợp đồng 1,6 tỷ đồng.

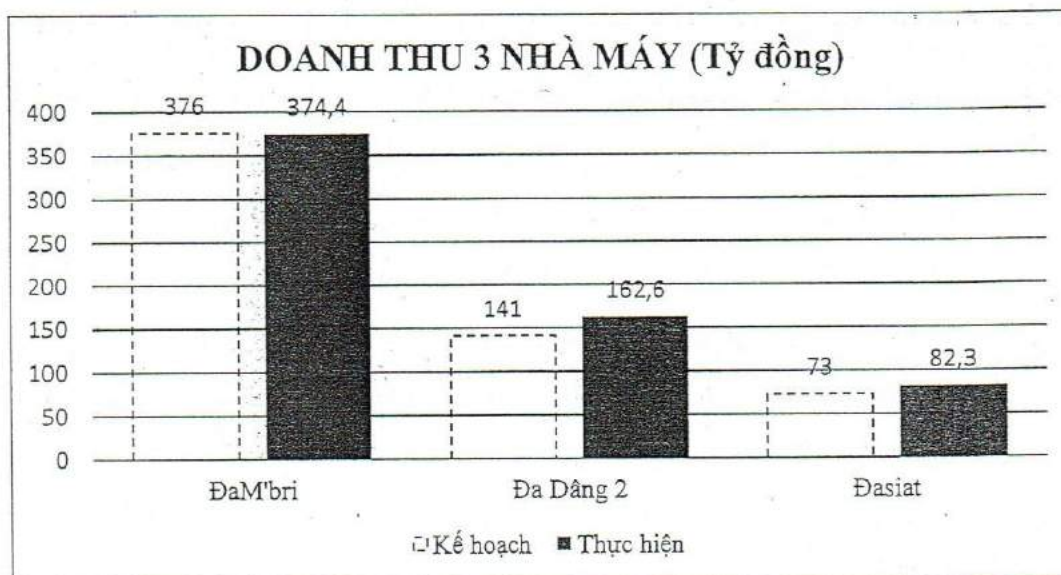
Nhà máy Đa Dâng 2:

- Sản lượng điện: 196,1 triệu kWh bằng 106,0% kế hoạch.
- Doanh thu: 162,6 tỷ đồng bằng 115,3% kế hoạch.
- Doanh thu tăng thêm từ hoạt động thị trường điện so với giá hợp đồng 13,9 tỷ đồng.

Nhà máy Đasiat:

- Sản lượng điện: 73,6 triệu kWh bằng 109,8% kế hoạch.
- Doanh thu: 82,3 tỷ đồng bằng 112,7% kế hoạch.

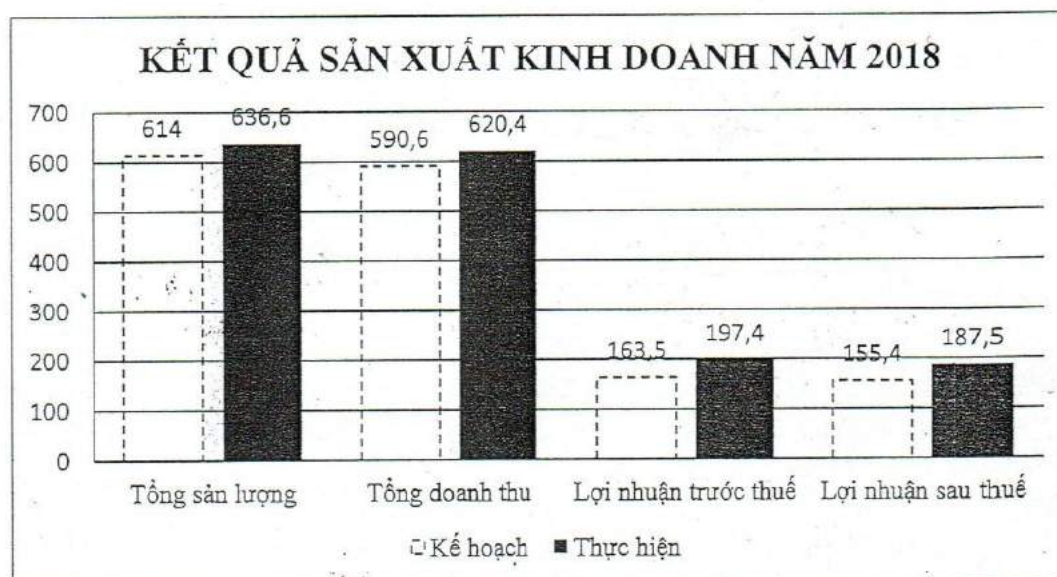




Với sản lượng và doanh thu năm 2018 nêu trên, kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018
Tổng sản lượng (Triệu kWh)	636,6	614
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	620,4	590,6
Tổng chi phí (Tỷ đồng)	423,0	427,1
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	197,4	163,5
Thuế TNDN phải nộp (Tỷ đồng)	9,9	8,2
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	187,5	155,4

Lợi nhuận sau thuế năm 2018: 187,5 tỷ đồng, bằng 120,6% kế hoạch (155,4 tỷ đồng).



Đánh giá chung:

0/1

Năm 2018, là một năm khó khăn đối với Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam, kế hoạch sản xuất do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua cao hơn các năm trước và vượt sản lượng thiết kế, trong khi các tháng đầu năm nhà máy thủy điện ĐaM'bri chưa ký được hợp đồng mua bán điện nên theo quy định ít được huy động, ngoài ra các nhà máy sau nhiều năm hoạt động đã bộc lộ nhiều khuyết khuyết và phát sinh sự cố, trong năm xảy ra mưa, lũ lớn so với các năm trước đã làm ngập lụt hạ du và gây hư hại các đường giao thông do Công ty quản lý, mưa lũ dồn dập và hạn hán đến sớm trên lưu vực lòng hồ ĐaM'bri, cuối năm Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) chủ trương khai thác tối đa các nguồn thủy điện đã làm vỡ kế hoạch sản xuất dự kiến của Công ty cũng như chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất năm 2019.

Mặc dù hạn hán đến sớm, nhưng tính chung cả năm nước về các hồ vẫn cao hơn số liệu thiết kế, sản lượng điện phát 3 nhà máy đều vượt sản lượng thiết kế.

Công tác trung đại tu các tổ máy, kiểm tra bảo dưỡng thiết bị và đường dây thực hiện hoàn tất trong những tháng mùa khô đầu năm, tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực duy trì vận hành ổn định 3 nhà máy, tận dụng tối đa nước về, khai thác tối đa vào giờ cao điểm, số giờ chạy máy bình quân 3 nhà máy vượt nhiều so với thiết kế:

- ĐaM'bri: 4.819h/theo thiết kế 4.509h.
- Đa Dâng 2: 5.767h/theo thiết kế 4.474h.
- Đasiat: 5.451h/theo thiết kế 4.396h.

Giá thị trường điện bình quân năm 2018 cao hơn năm 2017, nhờ đó doanh thu bán điện tăng thêm của nhà máy Đa Dâng 2 và ĐaM'bri 15,5 tỷ đồng so với giá hợp đồng.

Lợi nhuận sau thuế vượt cao so với kế hoạch đề ra.

2) Tài chính-tín dụng:

Tổng hợp tình hình tín dụng thực hiện năm 2018 như sau:

Ngân hàng	Dư nợ đầu năm 2018	Vay tái tài trợ năm 2018	Nợ gốc vay trả năm 2018	Lãi vay trả năm 2018	Dư nợ cuối năm 2018
VDB Lâm Đồng	286,7		66,2	17,7	220,5
VCB-HCM (633 tỷ)	556		46	46,1	510
Shinhan VN (142 tỷ)	132		42	8,1	90
VCB-HCM (260 tỷ)	235	(217)	18	13,4	-
Shinhan VN (217 tỷ)-Vay tái HĐ 260 tỷ tại VCB	-	217	8	4,4	209
Cộng	1.209,7	-	180,2	89,7	1.029,5

Trong năm 2018, Công ty đã tìm kiếm nguồn vay tại Ngân hàng Shinhan VN

(Shinhan Bank) và đã thực hiện vay tái tài trợ khoản vay trung dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) với mức lãi suất cố định khá tốt là 7.5%/năm, giúp tổng chi phí lãi vay giảm khoảng 12,8 tỷ đồng (trong đó chi phí lãi vay năm 2018 giảm 0,95 tỷ đồng).

3) Công tác quản lý cổ đông:

Tình hình cổ đông đến cuối năm 2018 như sau:

Stt	Loại cổ đông	Ngày 29/12/2017			Ngày 28/12/2018		
		Số cổ phần	SL cổ đông	Tỷ lệ	Số cổ phần	SL cổ đông	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	89.927.130	3.412	95,96%	89.081.316	3.297	95,06%
1	Tổ chức	71.021.617	25	75,79%	71.247.588	23	76,03%
a	Cổ đông lớn	55.799.848	2	59,55%	56.024.848	2	59,79%
b	Cổ đông khác	15.221.769	23	16,24%	15.222.740	21	16,24%
2	Cá nhân	18.905.513	3.387	20,17%	17.833.728	3.274	19,03%
II	Cổ đông nước ngoài	3.783.070	20	4,04%	4.628.884	22	4,94%
1	Tổ chức	3.679.930	3	3,93%	4.530.884	4	4,83%
2	Cá nhân	103.140	17	0,11%	98.000	18	0,10%
	Tổng cộng	93.710.200	3.432	100%	93.710.200	3.319	100%

4) Tình hình lưu ký cổ phiếu:

a) Cổ đông trong nước:

- Tổ chức:
- + Số lượng đã lưu ký: 15 tổ chức, với tổng số cổ phần là 15.748.760 CP.
- + Số lượng chưa lưu ký: 08 tổ chức, với tổng số cổ phần là 55.498.828 CP.
- Cá nhân:
- + Số lượng đã lưu ký: 1.392 cổ đông, với tổng số cổ phần là 10.221.979 CP.
- + Số lượng chưa lưu ký: 1.847 cổ đông, với tổng số cổ phần là 7.321.451 CP.
- + Số lượng vừa lưu ký một phần và chưa lưu ký một phần: 35 cổ đông với tổng số cổ phần là 290.298 CP.

b) Cổ đông nước ngoài:

- Tổ chức: Số lượng tổ chức đã lưu ký 04 tổ chức, với tổng số cổ phần là 4.530.884 CP.
- Cá nhân: Số lượng cá nhân đã lưu ký 18 cổ đông, với tổng số cổ phần là 98.000 CP.

5) Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số lao động cuối năm: 123 người.
- Thực hiện công tác đào tạo nguồn nhân lực: Tất cả người lao động đều có cơ

hội tham gia đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu công việc, yêu cầu của công tác quản lý, phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức đào tạo với tổng chi phí đã thực hiện là 330,5 triệu đồng, bao gồm: đào tạo về: ngoại ngữ, về thị trường điện, đào tạo vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, đào tạo về thí nghiệm và đánh giá hệ thống điều khiển, bảo vệ theo tiêu chuẩn IEC 61850, về quản trị nhân sự, đào tạo tập sự cho nhân viên mới...

- Tiền lương bình quân người lao động: 20,48 triệu đồng/người/tháng.

6) Công tác ISO:

Trong năm 2018, với sự nỗ lực và quyết tâm thực hiện, xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Công ty đã rà soát và ban hành các tài liệu hệ thống theo quy định của tiêu chuẩn ISO, tổ chức 02 cuộc đánh giá nội bộ về tất cả các mặt công tác chuyên môn trong quản lý, vận hành, sản xuất kinh doanh tại văn phòng Công ty, văn phòng Chi nhánh và 03 nhà máy tại Lâm Đồng. Công ty cũng đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TÜV RHEINLAND Việt Nam (TUV) để thực hiện việc đánh giá chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng. Kết quả qua 02 đợt khảo sát và đánh giá chứng nhận, ngày 19/12/2018, Công ty đã được TUV cấp Chứng chỉ chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

7) Về dự án Điện mặt trời Đa Dâng 2 15,8 MWp:

Cùng với chủ trương của Nhà nước khuyến khích đầu tư các nguồn điện, đặc biệt là năng lượng sạch, tận dụng những diện tích đất bãi thải, khu phụ trợ đã được đền bù của dự án Đa Dâng 2, tận dụng diện tích mặt nước, vùng bán ngập, kênh dẫn nước, Công ty đã thuê Công ty CP tư vấn xây dựng điện 3 nghiên cứu lập Báo cáo bổ sung quy hoạch dự án Điện mặt trời tại nhà máy Đa Dâng 2 với qui mô công suất lắp đặt khoảng 15,8MWp.

Ngày 08/01/2018 UBND tỉnh Lâm Đồng đã có văn bản số 101/UBND-MT trình Bộ Công thương V/v: Bổ sung quy hoạch nhà máy điện mặt trời Đa Dâng 2 trên địa bàn các huyện Đức Trọng và Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Việc trình thẩm định/phê duyệt tại Bộ Công thương (hồ sơ Công ty nộp từ tháng 01/2018) kéo dài nhưng vẫn chưa có kết quả.

Thời điểm tháng 06/2019 đang đến gần và dự án Điện mặt trời Đa Dâng 2 không

đáp ứng tiến độ hoàn thành trước tháng 06/2019 để được hưởng cơ chế giá 9,35 Cents/kWh. Cơ chế giá cho giai đoạn sau tháng 06/2019 chưa có do đó chưa đánh giá được tính hiệu quả của dự án.

Công ty tiếp tục theo dõi, khi có cơ chế giá mới và dự án có hiệu quả, Công ty sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông để quyết định việc triển khai.

Phần thứ hai
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1) Kế hoạch sản lượng-doanh thu:

Kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2019 như sau:

- Tổng sản lượng: 607,0 triệu kWh.
- Tổng doanh thu: 601,4 tỷ đồng (doanh thu phát điện 599,7 tỷ đồng). Doanh thu đã bao gồm thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đồng thời cập nhật đơn giá tính thuế tài nguyên nước từ 1720,65 đ/kWh lên thành 1864,44 đ/kWh có hiệu lực từ ngày 20/03/2019.

Trong đó:

Nhà máy Đa M'Bri:

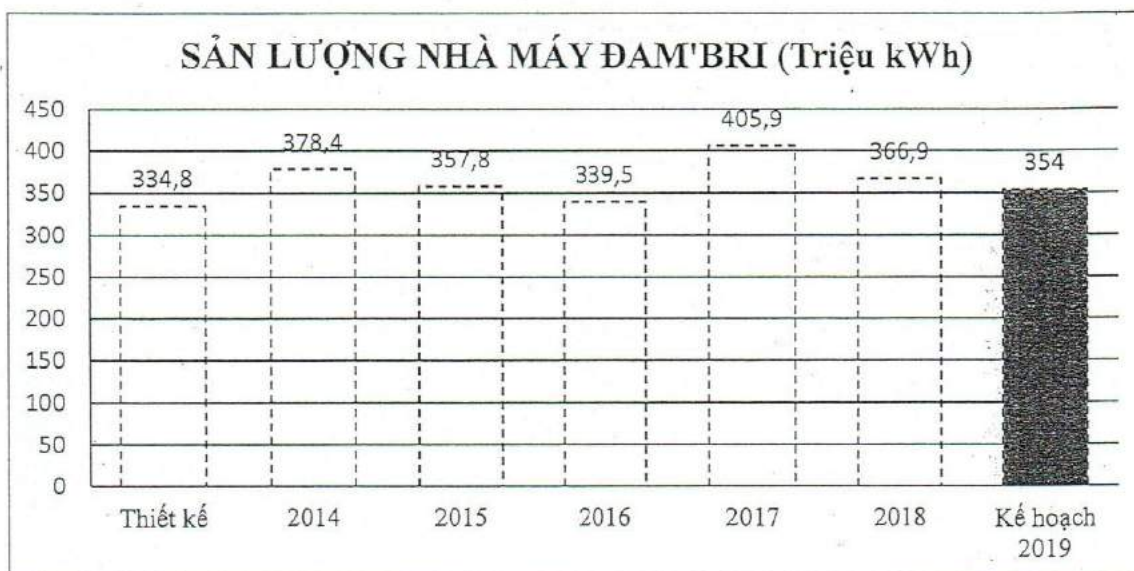
- Sản lượng điện: 354,0 triệu kWh (tương đương 106% sản lượng thiết kế, bằng bình quân sản lượng từ năm 2014-2018 (369,7 triệu kWh), có xét đến mực nước hồ đến cuối năm 2018 ở mức 606m).
- Doanh thu: 370,1 tỷ đồng. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2019 4,03 tỷ đồng.

Nhà máy Đa Dâng 2:

- Sản lượng điện: 186,0 triệu kWh (tương đương 123% sản lượng thiết kế, bằng bình quân sản lượng từ năm 2011-2018).
- Doanh thu: 154,6 tỷ đồng. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2019 1,8 tỷ đồng.

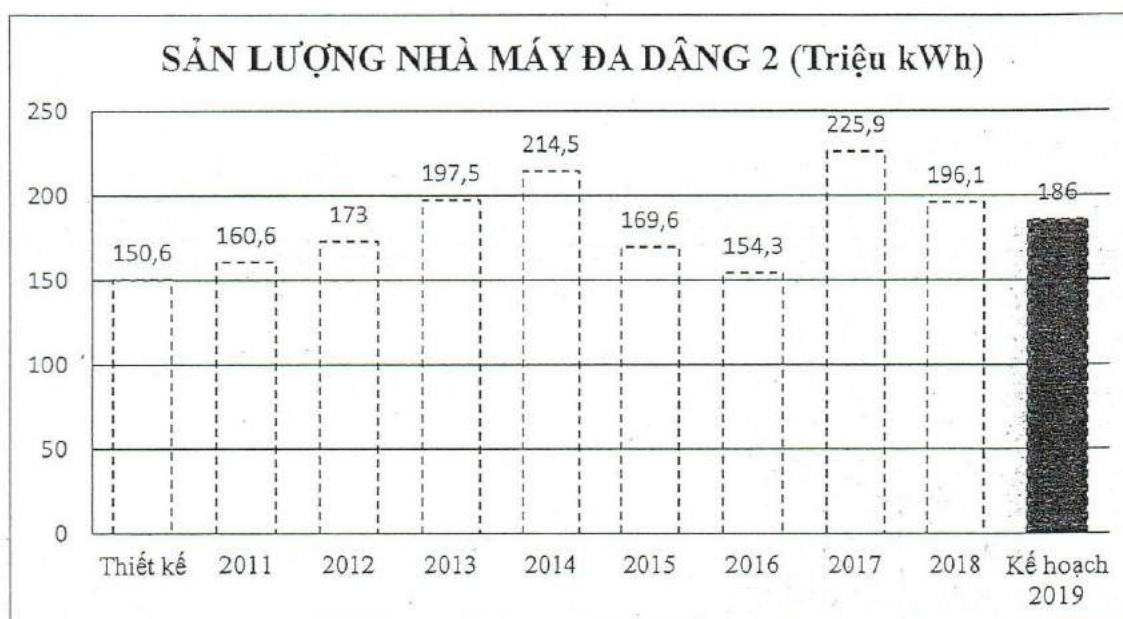
Nhà máy Đasiat:

- Sản lượng điện: 67,0 triệu kWh (tương đương 120% sản lượng thiết kế, bằng bình quân sản lượng từ năm 2011-2018).
 - Doanh thu: 75,0 tỷ đồng. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước năm 2019 0,69 tỷ đồng.
- Sản lượng nhà máy ĐaM'bri: 354 triệu kWh.



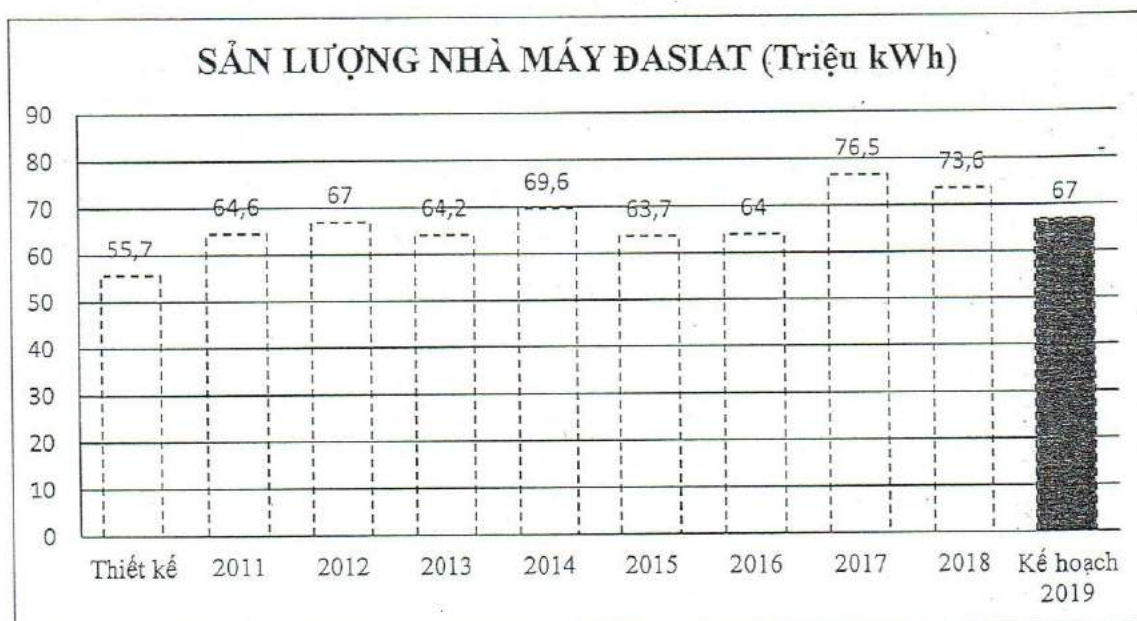
(Sản lượng thiết kế sau khi trừ tự dùng và tổn thất 334,8 triệu kWh/năm, sản lượng tại đầu cực máy phát 338,2 triệu kWh/năm).

- Sản lượng Nhà máy Đa Dâng 2: 186 triệu kWh.



(Sản lượng thiết kế sau khi trừ tự dùng và tổn thất 150,6 triệu kWh/năm, sản lượng tại đầu cực máy phát 152,1 triệu kWh/năm).

- Sản lượng nhà máy Đasiat: 67 triệu kWh.



(Sản lượng thiết kế sau khi trừ tự dùng và tổn thất 55,7 triệu kWh/năm, sản lượng tại đầu cực máy phát 59,3 triệu kWh/năm).

2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Với kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2019 nêu trên, kế hoạch lợi nhuận năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
Tổng sản lượng (Triệu kWh)	607
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	601,4
Tổng chi phí (Tỷ đồng)	426,9
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	174,5
Thuế TNDN phải nộp (Tỷ đồng)	8,8
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	165,7

3) Kế hoạch tín dụng:

Ngân hàng	Dư nợ đầu năm 2019	Nợ gốc vay trả năm 2019	Lãi vay phải trả năm 2019	Dư nợ cuối năm 2019
VDB Lâm Đồng	220,5	66,2	13,3	154,3
VCB-HCM	510	90	46	420
Shinhan VN (142 tỷ)	90	64	4,5	26
Shinhan VN (217 tỷ)	209	30	14,6	179
Cộng	1.029,5	250,2	78,4	779,3

4) Công tác khác:

Năm 2019, theo kế hoạch định kỳ, công tác trung đại tu các nhà máy như sau:

- Đại tu tổ máy H1 nhà máy Đasiat.
- Trung tu tổ máy H1 nhà máy Đa Dâng 2 (bao gồm sửa chữa, thay thế ống nước kỹ thuật).
- Đại tu tổ máy H2 nhà máy ĐaM'بری.
- Trang bị hệ thống điều khiển từ xa Cửa nhận nước nhà máy Đa Dâng 2.
- Sơn đường ống áp lực nhà máy Đa Dâng 2 sau 9 năm vận hành (sơn mặt trong đường ống).
- Cải tạo, thay thế Cửa van vận hành Cửa nhận nước ĐaM'بری.
- Sửa chữa ngầm hạ lưu đập nhà máy Đasiat.
- Sơn tường trong nhà máy Đa Dâng 2.
- Di dời hệ thống mố thủy công về khu vực đập nhà máy ĐaM'بری.
- Sơn sửa nhà dầu và nhà vận hành đập nhà máy ĐaM'بری.
- Xử lý sạt trượt taluy âm đường vận hành ĐaM'بری.
- Xử lý rò rỉ nước đường hầm nhà máy ĐaM'بری.
- Sửa chữa ngầm hạ lưu đập nhà máy ĐaM'بری.
- Nạo vét bùn cát khu vực Cửa nhận nước nhà máy ĐaM'بری.

Đến hết tháng 4/2019 Công ty thực hiện hoàn tất công tác trung đại tu đối với nhà máy Đasiat và Đa Dâng 2. Riêng công tác đại tu nhà máy ĐaM'بری bắt đầu thực hiện từ ngày 16/04/2019 và sẽ hoàn tất trong tháng 05/2019.

Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch năm 2019 và kính mong được chấp thuận.

Công ty CP thủy điện Miền Nam kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký.



Thạc Thanh Hà

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018, cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Năm 2018, công tác trung đại tu các tổ máy, kiểm tra bảo dưỡng thiết bị và đường dây đã được Công ty quan tâm và thực hiện hoàn tất trong những tháng đầu năm. Với điều kiện tương đối thuận lợi về thủy văn, cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành, tập thể nhân viên toàn Công ty đã duy trì vận hành ổn định 03 nhà máy nên sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của các nhà máy đều vượt kế hoạch. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% Thực hiện/ Kế hoạch
Tổng sản lượng	triệu Kwh	614,0	636,6	103,7%
Tổng doanh thu	tỷ đồng	590,6	620,4	105,0%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	155,4	187,5	120,7%

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

Trong năm 2018, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam tiến hành 08 cuộc họp.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
-----	-----------------	---------	------------------------------	-----------------------------------	--------------------------	-------------------	-------------------------

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT	22/06/2017		8/8	100%	
2	Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	22/06/2017		8/8	100%	
3	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	12/04/2012		8/8	100%	
4	Lê Xuân Hải	Thành viên HĐQT	22/06/2017		8/8	100%	
5	Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT	22/06/2017		8/8	100%	

b. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/QĐ-SHP-HĐQT	14/03/2018	Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự và thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
2	07/NQ-SHP-HĐQT	09/04/2018	- Về việc bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT cho nhiệm kỳ IV (2017-2022): HĐQT thống nhất báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2018 về việc ông Lê Tuấn Hải sẽ đảm nhận vai trò thành viên độc lập HĐQT của nhiệm kỳ

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			<p>IV (2017-2022) và không tổ chức bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; - Thông qua kế hoạch chi hoạt động năm 2018 của Công ty; - Thông qua Quỹ lương, kinh phí đóng BHXH, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn năm 2018; - Thống nhất bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty; - Giao Tổng Giám đốc thực hiện một số công tác trong quản lý và điều hành.
3	08/QĐ-SHP- HĐQT	09/04/2018	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.
4	09/QĐ-SHP- HĐQT	09/04/2018	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.
5	15/QĐ-SHP- HĐQT	17/04/2018	Phê duyệt kế hoạch chi hoạt động năm 2018.
6	16/QĐ-SHP- HĐQT	17/04/2018	Phê duyệt Quỹ lương, kinh phí đóng BHXH, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn năm 2018.
7	21/QĐ-SHP- HĐQT	10/05/2018	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
8	22/QĐ-SHP- HĐQT	10/05/2018	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được ĐHCĐ thường niên năm 2018 thông qua.
9	30/QĐ-SHP- HĐQT	28/05/2018	Chốt ngày đăng ký cuối cùng và thời gian thực hiện chi trả cổ tức năm 2017.

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
10	34/NQ-SHP-HĐQT	04/06/2018	Giao Tổng Giám đốc và Người phụ trách quản trị thực hiện một số công tác trong quản lý, điều hành.
11	39/QĐ-SHP-HĐQT	29/06/2018	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Thịnh do hết nhiệm kỳ kể từ ngày 01/07/2018.
12	40/QĐ-SHP-HĐQT	29/06/2018	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Thang Thanh Hà kể từ ngày 01/07/2018.
13	43/QĐ-SHP-HĐQT	02/07/2018	Phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
14	47/NQ-SHP-HĐQT	23/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và phê duyệt Quỹ lương Tổng Giám đốc năm 2018; - Thông qua trang bị bánh xe công tác dự phòng nhà máy Đa siat; - Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT; - Thông qua dự thảo Quy chế quản lý tài chính; - Thông qua Báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2018 của Ban điều hành Công ty; - Giao Tổng Giám đốc và người phụ trách quản trị kiêm thư ký thực hiện một số công tác.
15	49/NQ-SHP-HĐQT	26/07/2018	Thông qua việc vay tái tài trợ tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, mức vay 230 tỷ đồng (tương đương 21,61% vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2018).

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
16	51/QĐ-SHP-HĐQT	28/08/2018	Ban hành Quy chế quản lý tài chính.
17	55/NQ-SHP-HĐQT	15/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2018 và ước thực hiện Quý IV/2018 của Ban điều hành Công ty; - Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT; - Giao Ban điều hành Công ty thực hiện một số công tác.
18	56/QĐ-SHP-HĐQT	15/10/2018	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT.
19	61/NQ-SHP-HĐQT	17/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Giao Ban điều hành Công ty rà soát, hiệu chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và thực hiện một số công tác khác; - Thông qua kế hoạch sửa chữa trong năm 2019.

2. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong năm 2018:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Thịnh do hết nhiệm kỳ và bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc thay thế kể từ ngày 01/07/2018, thời hạn bổ nhiệm là 01 năm đối với ông Thanh Thanh Hà, nguyên là Trưởng Ban Thanh tra – Bảo vệ Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Thanh Thanh Hà và trong năm 2019 sẽ tái bổ nhiệm với thời hạn theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đương nhiệm.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2018:

(Nội dung này được trình bày trong Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và trình kế hoạch chi trả thù lao năm 2019).

4. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

3416
NG T
PHÁ
Y Đ
N N
HỒ

- Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ Điều lệ Công ty để thực hiện theo đúng phân cấp và nhiệm vụ được giao.
 - Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Tổng Giám đốc đã xin ý kiến của Hội đồng quản trị kịp thời để tổ chức thực hiện.
- Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty diễn ra hiệu quả, tiết kiệm, tuân thủ pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho cổ đông cũng như toàn thể nhân viên Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Với kết quả năm 2018 đạt mức lợi nhuận sau thuế 187,5 tỷ đồng (vượt 20,7% kế hoạch lợi nhuận năm 2018), Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2018.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

1. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Trong bối cảnh tình hình biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn diễn biến phức tạp, Hội đồng quản trị đánh giá năm 2019 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức đối với Công ty. Công ty sẽ tập trung cùng cố công tác vận hành phát điện tại 03 nhà máy, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đơn đốc, theo dõi nhằm nhanh chóng đưa các tổ máy đi vào sản xuất trở lại, giúp ổn định doanh thu và tiết kiệm chi phí.

2. Về công tác quản lý, điều hành:

Công ty quyết tâm thực hiện việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt chất lượng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu mong đợi của cổ đông và các bên liên quan. Trong năm 2018, Công ty đã được Công ty TNHH TÜV RHEINLAND Việt Nam (TUV) thực hiện việc đánh giá chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng. Kết quả qua 02 đợt khảo sát và đánh giá chứng nhận, ngày 19/12/2018, Công ty đã được TUV cấp Chứng chỉ chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Công ty sẽ tiếp tục duy trì và nỗ lực thực hiện việc cải tiến liên tục Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

3. Về đầu tư và phát triển:

Về đầu tư dự án điện mặt trời tại khu vực nhà máy Đa Dâng 2: Ngày 08/01/2018, UBND tỉnh Lâm Đồng đã có văn bản số 101/UBND-MT gửi Bộ Công thương về việc bổ sung quy hoạch nhà máy điện mặt trời Đa Dâng 2 và Công ty cũng đã trình thẩm định/phê duyệt tại Bộ Công thương nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Việc hoàn thành dự án với mốc thời hạn là tháng 06/2019 để được hưởng cơ chế giá 9,35 Uscents/kWh theo quyết định số

11/2017/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ là không thể thực hiện. Cơ chế giá điện mặt trời cho giai đoạn sau tháng 06/2019 chưa có. Do đó, Công ty vẫn tiếp tục theo dõi, khi có cơ chế giá mới sẽ xem xét hiệu quả để tiến hành triển khai đầu tư dự án này. Bên cạnh đó, Công ty vẫn đang tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án năng lượng tái tạo khác để mở rộng và gia tăng năng lực sản xuất và cung cấp điện.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đoàn Đức Hưng



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam (sau đây viết tắt là Công ty), Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền các nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của Công ty.
- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc triển khai, thực hiện nghị quyết số 20/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để xem xét, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính các quý và cả năm 2018.

2. Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2018:

Họ và tên	Chức vụ	Lương tháng bao gồm thuế TNCN (đồng)	Thù lao tháng sau thuế TNCN (đồng)	Thời gian hưởng
Võ Thái	Trưởng BKS	-	9.000.000	01/2018 – 12/2018
Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS	-	5.000.000	01/2018 – 12/2018
Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS	-	5.000.000	01/2018 – 12/2018
Tổng cộng thù lao chi trả cho Ban kiểm soát trong năm 2018: 228.000.000 đồng				

II. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	Tỉ lệ (%) thực hiện năm 2018 so với	
						Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2017
A	Tổng sản lượng điện:	Triệu kWh	614,0	636,6	708,3	103,7	89,9
1	- Sản lượng Đa siat	Triệu kWh	67,0	73,6	76,5	109,9	96,2
2	- Sản lượng Đa Dâng 2	Triệu kWh	185,0	196,1	225,9	106,0	86,8
3	- Sản lượng Đa M'Bri	Triệu kWh	362,0	366,9	405,9	101,4	90,4
B	Tổng doanh thu:	Tỷ đồng	590,6	620,4	618,5	105,1	100,6
1	Doanh thu bán điện:	Tỷ đồng	590,0	619,3	617,0	105,0	100,4
1.1	- Doanh thu Đa siat	Tỷ đồng	73,0	82,3	82,5	112,7	99,8
1.2	- Doanh thu Đa Dâng 2	Tỷ đồng	141,0	162,6	166,5	115,3	97,7
1.3	- Doanh thu Đa M'Bri	Tỷ đồng	376,0	374,4	368,0	99,6	101,7
2	Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,6	1,1	1,5	183,3	73,3
C	Tổng chi phí	Tỷ đồng	427,0	423,0	426,8	99,1	99,1
D	Lợi nhuận trước thuế (B-C)	Tỷ đồng	163,6	197,5	191,7	120,7	103,0
E	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	8,2	9,9	6,4	121,1	155,2
F	Lợi nhuận sau thuế (D-E)	Tỷ đồng	155,4	187,5	185,3	120,7	101,2
G	Giá bán điện bình quân: (B.1/A)	Đồng/kwh	960,9	972,8	872,72	101,2	111,7
1	- Giá bán điện bình quân Đa siat (B.1.1/A.1)	Đồng/kwh	1.089,6	1.118,2	1.078,4	102,6	103,7
2	- Giá bán điện bình quân Đa Dâng 2 (B.1.2/A.2)	Đồng/kwh	762,2	829,2	737,1	108,8	112,5
3	- Giá bán điện bình quân Đa M'Bri (B.1.3/A.3)	Đồng/kwh	1.038,7	1020,4	906,6	98,2	112,6

2. Nhận xét, đánh giá:

a) Về chỉ tiêu sản lượng điện:

Tổng sản lượng điện thực hiện năm 2018 đạt 103,7% so với kế hoạch (tăng 22,6 triệu kwh) và bằng 89,9% so với thực hiện năm 2017. Trong đó, sản lượng điện thực hiện năm 2018 của nhà máy Đasiat là khả quan nhất đạt

109,9% so với kế hoạch và bằng 96,2% so với thực hiện của năm 2017. Nhà máy Đa Dâng 2 và Đa M'ri đều có tỉ lệ sản lượng điện thực hiện năm 2018 vượt so với kế hoạch.

b) *Về chỉ tiêu giá bán điện bình quân:*

Nhìn chung, giá bán điện bình quân thực hiện trong năm 2018 của cả 03 nhà máy tăng so với giá kế hoạch 1,2% tương đương tăng 11,9 đồng/kwh và tăng hơn giá bán điện bình quân năm 2017 là 11,7%.

c) *Về doanh thu bán điện:*

Trong năm 2018 giá bán điện bình quân và sản lượng điện thực hiện đều cao hơn so với kế hoạch đã làm cho doanh thu bán điện thực hiện tăng hơn so với kế hoạch là 5,0% tương đương 29,3 tỷ đồng, và tăng hơn so với thực hiện năm 2017 là 0,4% tương đương 2,3 tỷ đồng. Trong đó:

- Doanh thu thực hiện của nhà máy Đasiat đạt 112,7% so với kế hoạch và chỉ bằng 99,8% so với thực hiện năm 2017.
- Doanh thu thực hiện của nhà máy Đa Dâng 2 đạt 125,3% so với kế hoạch và chỉ bằng 97,7% so với thực hiện năm 2017. Đây là nhà máy có chỉ tiêu doanh thu đạt cao nhất so với 2 nhà máy còn lại.
- Doanh thu thực hiện của nhà máy ĐaM'ri đạt 99,6% so với kế hoạch và đạt 101,7% so với thực hiện năm 2017.

d) *Về chỉ tiêu chi phí và lợi nhuận:*

- Doanh thu thực hiện tăng hơn so với kế hoạch năm 2018 hơn 5% nhưng tổng chi phí thực hiện trong năm 2018 lại thấp hơn so với kế hoạch và thấp hơn chi phí thực hiện năm 2017 là 0,9%. Do đó, lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2018 đạt 120,7% tương đương 197,5 tỷ đồng và tăng so với thực hiện năm 2017 là 3%.

III. Đánh giá công tác quản lý, điều hành và thẩm định Báo cáo về hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2018:

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc trong năm 2018:

a) *Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT):*

- Trong năm 2018, HĐQT đã triển khai thực hiện nghị quyết số 20/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các phiên họp HĐQT có số lượng thành viên tham dự họp đảm bảo theo đúng quy định và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Nội dung cuộc họp đều được ghi thành biên bản và lưu trữ đầy đủ tại Công ty.
- Những vấn đề HĐQT thông qua trong cuộc họp đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty và đều được gửi đến Ban kiểm soát.
- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT về điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vướng mắc, trở ngại trong sản xuất kinh doanh để cố gắng thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đã được thông qua trong nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018.

b) Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

- Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nỗ lực phấn đấu thực hiện kế hoạch được giao.
- Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp giao ban Công ty hàng tuần nhằm kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện, giải quyết các kiến nghị, đề xuất của các bộ phận, đưa ra các biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót. Do vậy công tác chỉ đạo điều hành của các bộ phận được chặt chẽ, sát sao hơn, mọi vướng mắc của các bộ phận luôn được tháo gỡ và giải quyết kịp thời.

2. Giám sát thực hiện nghị quyết số 20/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

a) Về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với mức lợi nhuận sau thuế là 187,5 tỷ đồng so với kế hoạch là 155,4 tỷ đồng, đạt 120,7%. Ngoài yếu tố thời tiết thuận lợi thì đây là nỗ lực rất lớn của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc phấn đấu thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều vượt cao hơn nhiều so với kế hoạch đề ra.

- Tái cơ cấu khoản nợ vay trung hạn từ ngân hàng VCB sang Shinhan VN 217 tỷ đồng với mức lãi suất vay được giảm từ 9,1%/năm xuống còn 7,5%/năm.
- Trong tháng 5/2018 đã ký được hợp đồng mua bán điện với Công ty Mua Bán điện về giá bán điện của nhà máy thủy điện Đa M' Bri.

b) Về chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trong năm 2018:

Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2018 của Công ty.

c) Về chi cổ tức trong năm 2018:

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, tỷ lệ trả cổ tức của năm 2017 là 17%, tương đương khoảng 159,307 tỷ đồng, được thực hiện trong năm 2018. Công ty đã thông báo và thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông đúng với mức 17%. Tuy nhiên, tính đến ngày 31/12/2018 số cổ tức chưa chi trả là 14,8 tỷ đồng (đây là số cổ tức chưa chi trả của năm 2017 và các năm trước của một số cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu và chưa đến Công ty nhận trực tiếp hoặc chưa gửi thông tin để Công ty thực hiện chuyển khoản chi trả cổ tức). Hiện tại Công ty vẫn đang tiếp tục chi trả cổ tức theo yêu cầu của các cổ đông.

3. Giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán liên quan tới Công ty niêm yết và công tác liên quan tới cổ đông:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các nghĩa vụ đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định của Luật chứng khoán về thực hiện báo cáo đối với cơ quan quản lý, thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường trên các phương tiện công bố thông tin như: trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Các Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị Công ty, Báo cáo thường niên; Nghị quyết ĐHĐCĐ; nghị quyết và quyết định của HĐQT (theo quy định phải công bố)... được công bố đầy đủ, kịp thời, minh bạch, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Về giải quyết khiếu nại của cổ đông: Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại của cổ đông về hoạt động của Công ty, về việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

4. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2018:

- Qua quá trình giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2018, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản lý và điều hành Công ty.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và tình hình hoạt động của Công ty.
- Ban kiểm soát thống nhất với các Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong năm 2018 về các mặt của Công ty.

IV. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018:

1. Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính đã được lập tại ngày 31/12/2018 và được Ban Tổng giám đốc Công ty phê duyệt ngày 25/03/2019.
- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (đây là đơn vị đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết). Ý kiến kết luận của đơn vị kiểm toán: “Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018:

a) Số liệu Bảng cân đối kế toán:

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Mã	31/12/2018	01/01/2018
A. Tài sản ngắn hạn	100	255.406.791.166	240.626.786.752
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	139.662.761.402	130.626.127.825
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	104.461.903.151	102.096.809.030
IV. Hàng tồn kho	140	1.678.328.637	1.211.839.360
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	9.603.797.976	6.692.010.537
B - Tài sản dài hạn	200	2.056.868.924.594	2.232.446.609.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	444.394.875	444.394.875
II. Tài sản cố định	220	2.049.614.945.124	2.214.751.299.598

III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	400.910.000	7.320.259.490
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	6.408.674.595	9.930.655.352
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	2.312.275.715.760	2.473.073.396.067
C. Nợ phải trả	300	1.078.030.880.337	1.256.010.600.902
I. Nợ ngắn hạn	310	298.671.880.337	238.495.600.902
II. Nợ dài hạn	330	779.359.000.000	1.017.515.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	1.234.244.835.423	1.217.062.795.165
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	2.312.275.715.760	2.473.073.396.067

c) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2017	Tăng, giảm (+,-)
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	89,0	90,3	-1,3
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	11,0	9,7	1,3
2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	46,6	50,8	-4,2
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,4	49,2	4,2
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	0,87	1,03	-0,16
3	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,85	1,0	-0,15
	Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	lần	2,14	1,97	0,17
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,86	1,01	-0,15
4	Hiệu quả sử dụng vốn				
	Doanh thu/Tổng nguồn vốn	lần	0,27	0,25	0,02
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	0,08	0,07	0,01
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	lần	0,15	0,15	0,00

d) Nhận xét đánh giá các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2018 như sau:

+ Cơ cấu vốn thay đổi: Nợ vay ngắn hạn tăng 60 tỷ đồng so với đầu năm; Nợ vay dài hạn cuối kỳ giảm 238 tỷ đồng so với đầu kỳ 2018.

+ Vốn đầu tư chủ sở hữu tăng so với 2017 là 17 tỷ đồng.

+ Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 0,87 lần giảm 0,16 lần so với năm 2017 và nằm trong giới hạn cho phép (< 3 lần).

+ Khả năng thanh toán nhanh bằng 0,85 lần giảm 0,15 lần so với năm 2017 (Chỉ số này tốt nhất nằm trong khoảng 1-2 lần).

+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 0,86 lần giảm 0,15 lần so với năm 2017 (chỉ số này tốt nhất > 0,5 lần).

+ Khả năng thanh toán tổng quát 2,14 lần. Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ (chỉ số này tốt nhất > 1,0 lần).

+ Doanh thu trên tổng vốn đạt 0,27 lần, tăng 0,02 lần so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế trên bình quân tổng tài sản đạt 0,08 lần, tăng 0,01 lần so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế trên bình quân vốn Chủ sở hữu 0.15 lần, bằng so với năm 2017.

+ Các Hệ số thanh toán đều nằm trong mức an toàn, đảm bảo đủ khả năng trả các khoản nợ khách hàng.

+ Hệ số bảo toàn vốn >1. Vốn chủ sở hữu được đảm bảo.

2. Ý kiến của Ban kiểm soát về thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018:

Sau khi xem xét, thẩm định, Ban kiểm soát hoàn toàn đồng ý với báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam về số liệu báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập tại ngày 31/12/2018 và được Ban Tổng giám đốc phê duyệt ngày 25/03/2018.

V. Đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở phân tích và đánh giá, Ban kiểm soát kiến nghị với Ban điều hành Công ty một số nội dung như sau:

- Thực hiện kế hoạch phát điện hợp lý đảm bảo: tận dụng tối đa lượng nước về các hồ chứa, khai thác tối đa sản lượng điện giờ cao điểm và vào mùa khô để tranh thủ giá bán điện cao theo cơ chế giá hợp lý nhất.
- Tiếp tục phát huy, thực hiện tốt kế hoạch duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để đảm bảo và duy trì vận hành ổn định của các nhà máy, giảm thiểu thời gian ngưng máy do sự cố theo Nghị quyết của HĐQT.
- Tiếp tục rà soát, tổ chức thực hiện và duy trì việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan công tác vận hành các nhà máy thủy điện như: quy định về môi trường,

công tác vận hành hồ chứa, xả lũ, phòng chống lụt bão, đảm bảo an toàn đập, phòng chống lũ lụt hạ du đập...

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Võ Thái

Nơi nhận:

- ĐHDCĐ;
- HDQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu BKS;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu
 Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Lê Xuân Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm theo QĐ số 40/QĐ-SHP-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm theo QĐ số 39/QĐ-SHP-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2018)
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Võ Thái	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính

hay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thang Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HĐQT
 ngày 26 tháng 7 năm 2018

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

072

Số: 470 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0733-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiều Phi
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3190-2015-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		255.406.791.166	240.626.786.752
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	139.662.761.402	130.626.127.825
1. Tiền	111		79.662.761.402	110.626.127.825
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.461.903.151	102.096.809.030
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	94.034.322.278	99.619.995.434
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.316.933.335	2.236.501.673
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.418.009.738	547.674.123
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(307.362.200)	(307.362.200)
III. Hàng tồn kho	140		1.678.328.637	1.211.839.360
1. Hàng tồn kho	141	9	1.678.328.637	1.211.839.360
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.603.797.976	6.692.010.537
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	169.196.245	157.119.988
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.434.601.731	6.534.890.549
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.056.868.924.594	2.232.446.609.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		444.394.875	444.394.875
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	444.394.875	444.394.875
II. Tài sản cố định	220		2.049.614.945.124	2.214.751.299.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.046.803.801.179	2.211.843.688.997
- Nguyên giá	222		3.104.216.388.612	3.084.550.983.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.057.412.587.433)	(872.707.294.628)
2. Tài sản vô hình	227	12	2.811.143.945	2.907.610.601
- Nguyên giá	228		3.039.263.637	3.039.263.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(228.119.692)	(131.653.036)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		400.910.000	7.320.259.490
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	400.910.000	7.320.259.490
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.408.674.595	9.930.655.352
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.408.674.595	9.930.655.352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.312.275.715.760	2.473.073.396.067


002
 ANH
 TY
 HỮU
 HẠN
 HỒC

072

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.078.030.880.337	1.256.010.600.902
I. Nợ ngắn hạn	310		298.671.880.337	238.495.600.902
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.080.619.164	1.387.440.539
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	20.593.008.268	14.719.419.108
3. Phải trả người lao động	314		3.665.893.773	5.842.949.675
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.286.310.970	8.379.428.086
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.946.552.670	14.476.394.700
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	250.156.000.000	192.156.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.943.495.492	1.533.968.794
II. Nợ dài hạn	330		779.359.000.000	1.017.515.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	779.359.000.000	1.017.515.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.234.244.835.423	1.217.062.795.165
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.234.244.835.423	1.217.062.795.165
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.330.913.498	9.805.643.551
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		268.811.921.925	270.155.151.614
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kế đến cuối năm trước	421a		81.296.906.693	84.902.452.141
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		187.515.015.232	185.252.699.473
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.312.275.715.760	2.473.073.396.067


 Nguyễn Thị Kiều Liên
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Tú Anh
 Kế toán trưởng




 Thang Thanh Hà
 Tổng Giám đốc
 Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HDQT
 ngày 26 tháng 7 năm 2018
 Ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng	01	21	619.287.153.031		619.949.922.313	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		2.986.190.668	
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		619.287.153.031		616.963.731.645	
4. Giá vốn hàng bán	11	22	309.274.812.543		302.130.314.819	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		310.012.340.488		314.833.416.826	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	928.299.859		867.229.656	
7. Chi phí tài chính	22	25	89.772.625.632		97.535.510.263	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.772.625.632		97.533.940.288	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.913.077.502		25.734.157.959	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		197.254.937.213		192.430.978.260	
10. Thu nhập khác	31		203.272.728		648.614.754	
11. Chi phí khác	32		9.266.364		1.422.940.000	
12. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40		194.006.364		(774.325.246)	
13. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (50=30+40)	50		197.448.943.577		191.656.653.014	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	9.933.928.345		6.403.953.541	
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		187.515.015.232		185.252.699.473	
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.884		1.859	

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Thăng Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HĐQT
ngày 26 tháng 7 năm 2018

Ngày 25 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	197.448.943.577	191.656.653.014
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	184.801.759.461	187.252.912.353
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(928.299.859)	(829.087.300)
Chi phí lãi vay	06	89.772.625.632	97.533.940.288
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	471.095.028.811	475.614.418.355
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.264.805.303)	23.713.664.619
Tăng hàng tồn kho	10	(656.087.232)	(1.146.638.237)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	6.139.554.870	(17.328.270.732)
Giảm chi phí trả trước	12	1.028.703.365	3.550.026.342
Tiền lãi vay đã trả	14	(92.860.842.528)	(96.909.056.955)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.774.878.844)	(6.424.891.892)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.616.108.276)	(4.665.908.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	360.090.564.863	376.403.343.100
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(13.728.904.445)	(9.076.178.778)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	3.821.364.689
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	928.299.859	829.087.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.800.604.586)	(4.425.726.789)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	217.000.000.000	142.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(397.156.000.000)	(292.156.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(158.097.326.700)	(139.428.862.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(338.253.326.700)	(289.584.862.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	9.036.633.577	82.392.753.811
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	130.626.127.825	48.233.374.014
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	139.662.761.402	130.626.127.825

Nguyễn Thị Kiều Liên
 Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
 Kế toán trưởng

Thang Thanh Hà
 Tổng Giám đốc

Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HĐQT
 ngày 26 tháng 7 năm 2018

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103002486 ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 7 năm 2014 với mã chứng khoán là SHP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 122 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 123 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở), đào tạo nghề, bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

002
NH
RY
HUUH
TE
IM
SCH

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 14
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuế hoạt động

Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ-mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	103.985.956	156.306.969
Tiền gửi ngân hàng	79.558.775.446	110.469.820.856
Các khoản tương đương tiền (i)	60.000.000.000	20.000.000.000
	<u>139.662.761.402</u>	<u>130.626.127.825</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất được hưởng là 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4,5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán Điện	86.710.116.236	91.279.978.103
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	7.324.206.042	8.340.017.331
	<u>94.034.322.278</u>	<u>99.619.995.434</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng điện 1	146.943.035	146.943.035
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	285.670.000	285.670.000
Ban Đèn Bù Giải Phóng Mặt bằng Huyện Bảo Lâm	330.955.900	330.955.900
Trung tâm Thông tin – Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng	140.000.000	140.000.000
Công ty CP ĐT & XD Hoàng Nhân	-	667.774.738
Khác	413,364,400	665,158,000
	<u>1.316.933.335</u>	<u>2.236.501.673</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu hộ thuế thu nhập cá nhân	106.588.620	77.727.798
- Tạm ứng cho nhân viên	52.067.000	140.084.125
- Công ty Mua bán điện (i)	7.859.261.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (i)	927.909.000	-
- Phải thu khác	472.184.118	329.862.200
	9.418.009.738	547.674.123
b. Dài hạn		
- Các khoản ký quỹ dài hạn	444.394.875	444.394.875
	444.394.875	444.394.875

(i) Phải thu khác từ Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thể hiện các khoản phải thu lại tiền nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện dự phòng cho các khoản công nợ phải thu từ người dân liên quan đến tiền đền bù các tuyến đường dân sinh của dự án Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2.

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có hàng tồn kho nào cần lập dự phòng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	45.801.947	44.469.219
- Khác	123.394.298	112.650.769
	169.196.245	157.119.988
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	376.276.063	593.093.809
- Chi phí sửa chữa lớn (i)	5.974.690.198	9.314.860.156
- Khác	57.708.334	22.701.387
	6.408.674.595	9.930.655.352

(i) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện:

- Chi phí sửa chữa lớn nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 đã hoàn thành và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn nhà máy Đam'ri đã hoàn thành trong năm và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	2.379.111.128.250	699.785.458.276	4.919.405.058	734.992.041	3.084.550.983.625
Tăng trong năm	18.720.105.714	751.818.364	-	193.480.909	19.665.404.987
Tại ngày cuối năm	2.397.831.233.964	700.537.276.640	4.919.405.058	928.472.950	3.104.216.388.612
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	529.832.870.608	337.771.128.639	4.557.993.217	545.302.164	872.707.294.628
Khấu hao trong năm	108.475.856.873	76.057.780.832	97.058.628	74.596.472	184.705.292.805
Tại ngày cuối năm	638.308.727.481	413.828.909.471	4.655.051.845	619.898.636	1.057.412.587.433
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	1.849.278.257.642	362.014.329.637	361.411.841	189.689.877	2.211.843.688.997
Tại ngày cuối năm	1.759.522.506.483	286.708.367.169	264.353.213	308.574.314	2.046.803.801.179

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình của Công ty gồm các nhà máy, máy móc và thiết bị tại các nhà máy Đasiat, Đa Dâng 2 và Đamb'ri với tổng giá trị còn lại là 2.035.246.937.704 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.038.231.928.317 đồng) đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 18).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 5.190.776.981 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4.906.530.981 đồng).



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm và cuối năm	2.719.863.637	319.400.000	3.039.263.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	-	131.653.036	131.653.036
Khấu hao trong năm	-	96.466.656	96.466.656
Tại ngày cuối năm	-	228.119.692	228.119.692
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	<u>2.719.863.637</u>	<u>187.746.964</u>	<u>2.907.610.601</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.719.863.637</u>	<u>91.280.308</u>	<u>2.811.143.945</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện ĐamBri	-	5.399.033.554
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2	252.000.000	-
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đasiat	130.830.000	1.660.191.708
Chi phí khác	18.080.000	261.034.228
	<u>400.910.000</u>	<u>7.320.259.490</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Số có khả năng Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả bên thứ ba				
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Việt Oanh	328.498.660	328.498.660	214.148.000	214.148.000
Công ty TNHH -Thương mại Dịch vụ Đức Tâm	-	-	189.517.730	189.517.730
Công ty TNHH Kỹ Thuật Hesco	756.492.000	756.492.000	-	-
Khác	995.628.504	995.628.504	983.774.809	983.774.809
	<u>2.080.619.164</u>	<u>2.080.619.164</u>	<u>1.387.440.539</u>	<u>1.387.440.539</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	3.977.489.868	61.026.544.957	(61.121.956.348)	3.882.078.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.015.679.177	9.933.928.345	(8.774.878.844)	3.174.728.678
Thuế tài nguyên	3.515.717.424	54.764.216.635	(55.324.874.951)	2.955.059.108
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.749.308.792	22.915.895.724	(21.434.227.136)	6.230.977.380
Thuế thu nhập cá nhân	461.223.847	3.220.709.718	(3.023.363.940)	658.569.625
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	8.787.170.000	(5.095.575.000)	3.691.595.000
Thuế khác	-	16.901.136	(16.901.136)	-
	<u>14.719.419.108</u>	<u>160.665.366.515</u>	<u>(154.791.777.355)</u>	<u>20.593.008.268</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đambri	2.358.000.000	2.358.000.000
Chi phí lãi vay trích trước	2.742.616.438	5.830.833.334
Chi phí khác	185.694.532	190.594.752
	5.286.310.970	8.379.428.086

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	14.848.358.800	13.638.345.500
Phải trả nhân viên Công ty	48.075.330	791.439.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.118.540	46.610.000
	14.946.552.670	14.476.394.700

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Các khoản vay dài hạn sẽ thanh toán trong vòng 1 năm VND	Các khoản vay dài hạn VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm			
- Giá trị	192.156.000.000	1.017.515.000.000	1.209.671.000.000
- Số có khả năng trả nợ	192.156.000.000	1.017.515.000.000	1.209.671.000.000
Trong năm			
- Tăng	455.156.000.000	217.000.000.000	672.156.000.000
- Giảm	(397.156.000.000)	(455.156.000.000)	(852.312.000.000)
Tại ngày cuối năm			
- Giá trị	250.156.000.000	779.359.000.000	1.029.515.000.000
- Số có khả năng trả nợ	250.156.000.000	779.359.000.000	1.029.515.000.000

Chi tiết các khoản vay:

	Lãi suất %/năm	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	9,3%	510.000.000.000	791.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng (ii)	6,9%	220.515.000.000	286.671.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (iii)	7,5%	299.000.000.000	132.000.000.000
		1.029.515.000.000	1.209.671.000.000

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo 02 hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013, hạn mức tín dụng là 260 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 138 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện đầu tư dự án, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lãi trả nợ gốc đầu tiên được 2 bên ký sau ngày kết thúc thời gian ân hạn (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Hợp đồng sửa đổi bổ sung 03-0043/ĐTDU/13CD ngày 23 tháng 5 năm 2016. Khoản vay này đã tất toán bằng khoản vay tái tài trợ của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số BC/SHBVN/HDTD/SHP/201807 ngày 26 tháng 7 năm 2018.

Hợp đồng tín dụng số 0028/ĐTDA/14CD ngày 12 tháng 11 năm 2014, hạn mức tín dụng là 633,7 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư thủy điện Đamb'ri công suất 75MW, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên sẽ được 2 bên ký sau ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay. Mục đích vay dùng để tái cấu trúc tài chính các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02-0028/ĐTĐU/14CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, lãi suất cho vay là 7,5%/năm và sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng +1%/năm cho năm thứ 2, và 2,5%/năm cho năm thứ 3 trở đi. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9,3%/năm.

(ii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03C/2014/HĐTĐĐT điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc thành 89 tháng từ tháng 12 năm 2014. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 6,9%/năm.

(iii) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hai hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/HDTD/SHP/201707 ngày 01 tháng 08 năm 2017, hạn mức tín dụng là 142 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 3 năm, áp dụng lãi suất 7,5% trong suốt thời hạn vay. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ công trình thủy điện Đa Dâng 2 tỉnh Lâm Đồng và các công trình phụ trợ gắn liền với lô đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH130648 cấp bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 01 tháng 3 năm 2012.

Hợp đồng tín dụng số BC/SHBVN/HDTD/SHP/201807 ngày 26 tháng 7 năm 2018, hạn mức tín dụng là 217 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 7 năm, áp dụng lãi suất 7,5% trong 3 năm đầu tiên. Hết thời hạn cố định lãi suất, lãi suất điều chỉnh sẽ được áp dụng tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay, theo từng kỳ hạn trả lãi. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ công trình thủy điện Đasiat tại tỉnh Lâm Đồng và các công trình phụ trợ gắn liền với lô đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE970398 cấp bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng ngày 16 tháng 01 năm 2012. Khoản vay này là khoản vay tái tài trợ cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	250.156.000.000	192.156.000.000
Trong năm thứ hai	212.156.000.000	238.156.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	448.203.000.000	540.359.000.000
Sau năm năm	119.000.000.000	239.000.000.000
	1.029.515.000.000	1.209.671.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(250.156.000.000)	(192.156.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	779.359.000.000	1.017.515.000.000

2-C
HẠN
MVP

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	937.102.000.000	-	240.176.217.468	1.177.278.217.468
Lợi nhuận trong năm	-	-	185.252.699.473	185.252.699.473
Cổ tức công bố	-	-	(140.565.300.000)	(140.565.300.000)
Phân phối quỹ	-	9.805.643.551	(14.708.465.327)	(4.902.821.776)
Số dư đầu năm nay	937.102.000.000	9.805.643.551	270.155.151.614	1.217.062.795.165
Lợi nhuận trong năm	-	-	187.515.015.232	187.515.015.232
Cổ tức công bố	-	-	(159.307.340.000)	(159.307.340.000)
Phân phối quỹ	-	18.525.269.947	(29.550.904.921)	(11.025.634.974)
Số dư cuối năm nay	937.102.000.000	28.330.913.498	268.811.921.925	1.234.244.835.423

Theo Nghị quyết số 20/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2018, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và lợi nhuận lũy kế các năm trước như sau:

- Trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền lần lượt là 18.525.269.947 đồng (tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế), 9.262.634.974 đồng (tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế) và 1.763.000.000 đồng (tương ứng với 5% mức lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch);
- Chia cổ tức với tỷ lệ 17% trên mệnh giá cổ phần, tương ứng với số tiền 159.307.340.000 đồng.

Công ty đã thông báo thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Số lượng cổ phiếu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200 <i>93.710.200</i>	93.710.200 <i>93.710.200</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200 <i>93.710.200</i>	93.710.200 <i>93.710.200</i>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 5 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 937.102.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn cổ phần thực tế của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86	457.843.580.000	48,86
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	102.404.900.000	10,69	100.154.900.000	10,69
Các cổ đông khác	376.853.520.000	40,45	379.103.520.000	40,45
	937.102.000.000	100	937.102.000.000	100

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 21 và số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng thể hiện doanh thu từ bán điện trong năm.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán thể hiện giá vốn của điện đã bán trong năm.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vật liệu, công cụ	2.446.925.577	3.459.268.214
Chi phí nhân công	44.141.797.508	42.510.817.676
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.801.759.461	187.252.912.353
Chi phí thuế tài nguyên	54.764.216.635	57.649.774.913
Phí dịch vụ môi trường rừng	22.915.895.724	14.821.009.932
Chi phí khác	24.117.295.140	22.170.689.690
	333.187.890.045	327.864.472.778

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện lãi tiền gửi phát sinh trong năm.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	89.772.625.632	97.533.940.288
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.569.975
	89.772.625.632	97.535.510.263

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	14.543.019.877	14.741.745.403
Chi phí thuê văn phòng	2.132.728.200	1.970.938.237
Chi phí khấu hao tài sản cố định	486.072.246	607.727.090
Khác	6.751.257.179	8.413.747.229
	23.913.077.502	25.734.157.959

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	197.448.943.577	191.656.653.014
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	987.116.582	1.164.607.066
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	198.436.060.159	192.821.260.080
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	-	64.742.189.244
<i>Thu nhập tính thuế ở mức thuế suất ưu đãi 5%</i>	198.678.566.877	128.079.070.836
<i>Lỗ tính thuế ở mức thuế suất thông thường 20%</i>	(242.506.718)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	9.933.928.345	6.403.953.541

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, hai nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat, bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2010, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2013, từ năm 2014 là năm đầu tiên hai nhà máy được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hai dự án. Riêng nhà máy thủy điện Đambri, bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2014, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2017, từ năm 2018 là năm đầu tiên nhà máy này được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tạm tính theo kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành có thể thay đổi theo những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	187.515.015.232	185.252.699.473
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	10.983.422.671	11.025.634.974
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	176.531.592.561	174.227.064.499
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	93.710.200	93.710.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.884	1.859

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm nay được tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế và 5% mức lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Tỷ lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 20/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm trước được tính toán lại dựa trên số liệu cuối cùng được phê duyệt cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng theo Nghị quyết này.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.132.728.200</u>	<u>1.970.938.237</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.346.001.020	2.346.001.020
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.075.250.468	3.421.251.487
Sau năm năm	<u>8.851.304.293</u>	<u>8.851.304.293</u>
	<u>12.272.555.781</u>	<u>14.618.556.800</u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất tại Tỉnh Lâm Đồng và thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 141/HD-TĐ ngày 24 tháng 8 năm 2011 cho dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 với diện tích 595.921 m² tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng và các xã Tân Hà, Tân Văn, huyện Lâm Hà. Thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2007. Theo Quyết định số 5249/QĐ-CT ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 02 năm 09 tháng và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2. Thời gian miễn tiền thuê đất từ ngày 16 tháng 4 năm 2007 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 15 tháng 01 năm 2025. Tổng số tiền được miễn là 4.816.953.092 đồng.

- Hợp đồng thuê đất số 137/HĐ-TĐ ngày 15 tháng 8 năm 2011 cho dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat với diện tích 2.612.029 m² tại huyện Bảo Lâm. Thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2006.

Hợp đồng thuê đất số 13/HĐ-TĐ ngày 12 tháng 01 năm 2017 cho dự án công trình nhà máy thủy điện ĐamBri với diện tích 3.036,04 m² tại huyện Đạ Huoai. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2008.

Theo Quyết định số 4536/QĐ-CT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 3 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat và công trình nhà máy thủy điện ĐamBri. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 22 tháng 9 năm 2006 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 21 tháng 9 năm 2024. Tổng số tiền được miễn là 7.108.898.126 đồng.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 425 m², đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2020.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.029.515.000.000	1.209.671.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	139.662.761.402	130.626.127.825
Nợ thuần	889.852.238.598	1.079.044.872.175
Vốn chủ sở hữu	1.235.349.979.872	1.217.062.795.165
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,72	0,89

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.662.761.402	130.626.127.825
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.537.297.691	100.164.618.107
	243.200.059.093	230.790.745.932

Công nợ tài chính

Các khoản vay	1.029.515.000.000	1.209.671.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	16.979.096.504	15.072.396.039
Chi phí phải trả	5.286.310.970	8.379.428.086
	1.051.780.407.474	1.233.122.824.125

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



M.S.C.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 7.190.000.000 đồng (năm 2017: 10.776.710.000 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty chỉ bán điện cho Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, là các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty cũng thực hiện quản lý công nợ chặt chẽ bằng các biện pháp phù hợp như đối chiếu công nợ thường xuyên, đốc thúc khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu một cách thận trọng và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty (xem chính sách trích lập dự phòng tại Thuyết minh số 3).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.662.761.402	-	-	139.662.761.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.092.902.816	444.394.875	-	103.537.297.691
	242.755.664.218	444.394.875	-	243.200.059.093
Các khoản vay	250.156.000.000	660.359.000.000	119.000.000.000	1.029.515.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	16.979.096.504	-	-	16.979.096.504
Chi phí phải trả	5.286.310.970	-	-	5.286.310.970
	272.421.407.474	660.359.000.000	119.000.000.000	1.051.780.407.474
Chênh lệch thanh khoản thuần	(29.665.743.256)	(659.914.605.125)	(119.000.000.000)	(808.580.348.381)

0017
 CHI
 CỘ
 CH NH
 DEL
 VIỆT
 TP

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.626.127.825	-	-	130.626.127.825
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.720.223.232	444.394.875	-	100.164.618.107
	230.346.351.057	444.394.875	-	230.790.745.932
Các khoản vay	192.156.000.000	778.515.000.000	239.000.000.000	1.209.671.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	15.072.396.039	-	-	15.072.396.039
Chi phí phải trả	8.379.428.086	-	-	8.379.428.086
	215.607.824.125	778.515.000.000	239.000.000.000	1.233.122.824.125
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.738.526.932	(778.070.605.125)	(239.000.000.000)	(1.002.332.078.193)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Cổ đông lớn
Công ty Mua Bán Điện	Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN"), công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty thuộc Tập đoàn EVN, công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua Bán Điện	536.979.925.623	534.483.286.093
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	82.307.227.408	82.453.938.281
	619.287.153.031	616.937.224.374
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Điện lực miền Nam	77.833.408.600	68.676.537.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	17.026.333.000	15.023.235.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và thù lao	5.376.296.620	4.157.743.083

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

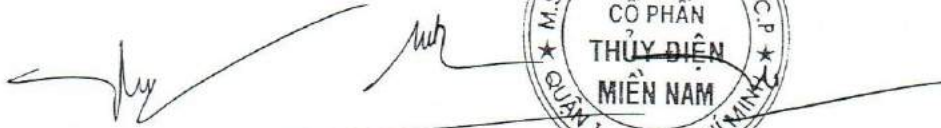
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu thương mại		
Công ty Mua Bán Điện	86.710.116.236	91.279.978.103
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	7.324.206.042	8.340.017.331
	94.034.322.278	99.619.995.434

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm 2.742.616.438 đồng (2017: 5.830.833.334 đồng), là số tiền chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 14.848.358.800 đồng (2017: 13.638.345.500 đồng), là số tiền cổ tức phải trả phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Thang Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Theo giấy ủy quyền số 50/UQ-SHP-HDQT
ngày 26 tháng 7 năm 2018

Ngày 25 tháng 3 năm 2019



Số: **18** /BC-SHP-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2018
và trình kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2019

Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam báo cáo kết quả thực hiện việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2018 và trình kế hoạch chi trả thù lao trong năm 2019 như sau:

1. Báo cáo thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2018:

Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam đã thực hiện việc chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2018 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao tháng sau thuế TNCN năm 2018 (đồng)	Số tháng hưởng	Tổng cộng thù lao chi trả năm 2018 (đồng)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch	15.000.000	12	180.000.000
Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập	9.000.000	12	108.000.000
Lê Xuân Hải	Thành viên	9.000.000	12	108.000.000
Nguyễn Văn Danh	Thành viên	9.000.000	12	108.000.000
Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	9.000.000	12	108.000.000
Tổng cộng thù lao chi trả cho HĐQT năm 2018 (sau thuế TNCN)				612.000.000
BAN KIỂM SOÁT				
Võ Thái	Trưởng Ban	9.000.000	12	108.000.000
Hoàng Minh Dũng	Thành viên	5.000.000	12	60.000.000
Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên	5.000.000	12	60.000.000
Tổng cộng thù lao chi trả cho BKS năm 2018 (sau thuế TNCN)				228.000.000

2. Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty trong năm 2019:

Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2019 được thực hiện như năm 2018.

Mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 (sau thuế thu nhập cá nhân) cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------------|-----------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị | 15.000.000 đồng/tháng |
| - Thành viên Hội đồng quản trị | 9.000.000 đồng/tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát | 9.000.000 đồng/tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát | 5.000.000 đồng/tháng |

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đoàn Đức Hưng

Số: **19** /TTr-SHP-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

I. Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam được sửa đổi thông qua ngày 10/05/2018;

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 05 năm 2018 thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018;

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 tại Báo cáo tài chính được kiểm toán ngày 25 tháng 03 năm 2019.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kết quả kinh doanh	
	TH năm 2018	KH năm 2018
Tổng doanh thu:	620,4	590,6
- Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD:	619,3	590,0
- Doanh thu tài chính:	0,9	0,6
- Thu nhập khác:	0,2	
Tổng chi phí:	423,0	427,0
- Chi phí khấu hao:	184,8	184,1
- Chi phí lãi vay:	89,8	90,9
- Thuế tài nguyên:	54,8	52,8
- Phí dịch vụ môi trường rừng:	22,9	22,1
- Chi phí chung:	70,7	77,1
Lợi nhuận trước thuế:	197,4	163,6
- Thuế TNDN phải nộp	9,9	8,2
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	187,5	155,4



III. Nội dung kính trình:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2018:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 kính trình Đại Hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Nội dung	Theo NQ số 20/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2018	Theo KQSXKD
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	155,4	187,5
LNST chưa phân phối các năm trước	81,3	81,3
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2018	236,7	268,8
Quỹ đầu tư phát triển (KH: 10%, trình ĐHĐCĐ: không trích)	15,5	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	7,8	9,4
Chia cổ tức năm 2018 (KH: 16%, trình ĐHĐCĐ: 17%)	149,9	159,3
Thưởng HĐQT và BKS (KH: 5% LNST vượt kế hoạch)	1,7	0,5
Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối năm 2018:	61,8	99,6

Năm 2019 là năm Công ty chi trả nợ gốc vay cao nhất so với các năm trước. Do đó, lợi nhuận còn lại sau khi phân phối, Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông giữ lại để thực hiện chi trả nợ vay ngân hàng.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:

Dựa trên kế hoạch doanh thu, chi phí năm 2019; Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Điện Miền Nam kiến nghị Đại hội đồng cổ đông kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch
Tổng doanh thu:	601,4
- Doanh thu từ hoạt động SXKD	599,7
- Doanh thu từ hoạt động tài chính	1,7
Tổng chi phí:	426,9
- Chi phí khấu hao	186,4
- Chi phí lãi vay	78,4
- Thuế tài nguyên	56,2
- Phí dịch vụ môi trường rừng	21,8
- Phí cấp quyền khai thác TNN	6,6
- Chi phí chung	77,5
Lợi nhuận trước thuế năm 2019:	174,5
<i>Thuế TNDN năm 2019:</i>	<i>8,8</i>
Lợi nhuận sau thuế năm 2019:	165,7
LNST chưa phân phối các năm trước:	99,6
Tổng LNST lũy kế đến 31/12/2019:	265,3
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	8,3
Tỷ lệ chia cổ tức năm 2019 (17%)	159,3
Lợi nhuận sau khi phân phối năm 2019:	97,7

Thường Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: 5% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch nhưng không vượt quá 500 triệu đồng.

Hội đồng quản trị Công ty CP thủy điện Miền Nam kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, P.TCKT;
- Lưu VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đoàn Đức Hưng

Số: /TTr-SHP-BKS

Tp.HCM, ngày 06 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Nam

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực ngày 01/07/2015;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với các tổ chức niêm yết;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam thông qua ngày 10/05/2018;
- Danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019 theo Quyết định số 2155/QĐ-BTC ban hành ngày 15/11/2018,

Để thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Miền Nam, Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn:

- Đơn vị kiểm toán được lựa chọn là đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Là một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu thế giới có mặt tại hầu hết các quốc gia và được phép hoạt động tại Việt Nam;
- Đơn vị có đội ngũ kiểm toán với các nhân sự có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm kiểm toán trong các công ty ngành điện và am hiểu về hoạt động của SHP;
- Báo cáo kiểm toán phát hành đảm bảo được tính minh bạch, đem đến sự tin tưởng và tín nhiệm của các cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan khác;

- Mức phí kiểm toán phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo quy định của Nhà nước cũng như yêu cầu của SHP.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán

- Với các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét chỉ định Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte) là đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty Cổ phần thủy điện Miền Nam. Deloitte đã có hai năm thực hiện việc kiểm toán cho công ty và đáp ứng đầy đủ các tiêu thức lựa chọn trên.

- Sau khi đã được Hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc lựa chọn, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc thương thảo và ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán đã được chọn.

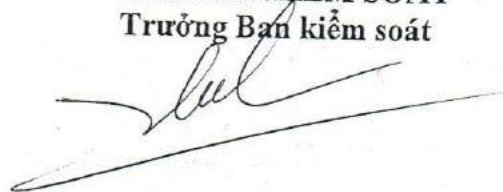
- Trong trường hợp đàm phán ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam không thành công, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn một đơn vị kiểm toán khác nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công bố trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và đảm bảo lợi ích cho Công ty.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD cty;
- Lưu SHP, VT, P3

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban kiểm soát



Võ Thái

Số: 20 /TTr-SHP-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam

Hội đồng quản trị có nhận được đơn của ông Lê Xuân Hải xin được từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022 và đơn của ông Hoàng Minh Dũng xin được từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022, kể từ ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với lý do vì yêu cầu công tác tại Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Lê Xuân Hải và miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Minh Dũng kể từ ngày 23/05/2019.

Trân trọng kính trình.

(Đính kèm đơn từ nhiệm của ông Lê Xuân Hải và ông Hoàng Minh Dũng)

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đoàn Đức Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2019

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam;
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam,

Tôi hiện là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam (SHP) nhiệm kỳ 2017 – 2022 theo nghị quyết số 26/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên SHP năm 2017. Đồng thời là người đại diện 25% phần vốn của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (EVNSPC) tại SHP.

Do yêu cầu công tác tại EVNSPC nên Tôi xin được từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của SHP nhiệm kỳ 2017 – 2022, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên SHP năm 2019.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị xem xét và thực hiện các thủ tục để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên SHP năm 2019 (tổ chức vào ngày 23/05/2019) để miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị.


Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS SHP;
- Ban TGD SHP;
- Thư ký SHP.

CTy Cp THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 226.....
NGÀY: 8/4/2019.....

Thành viên HĐQT


Lê Xuân Hải

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam;
- Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam;
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam,

Tôi được bầu lại làm thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam (SHP) nhiệm kỳ 2017 – 2022 theo nghị quyết số 26/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 22/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên SHP năm 2017.

Do yêu cầu công tác tại Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam nên Tôi xin được từ nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát của SHP nhiệm kỳ 2017 – 2022, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên SHP năm 2019.

Kính đề nghị Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị xem xét và thực hiện các thủ tục để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên SHP năm 2019 (tổ chức vào ngày 23/05/2019) miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD SHP;
- Thư ký SHP.

Thành viên Ban Kiểm soát



Hoàng Minh Dũng

CTy Cp THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

CÔNG VĂN ĐẾN

SỐ: 264

NGÀY: 23.04.2019

Số: /NQ-SHP-DHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực ngày 01/7/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam;
- Căn cứ Biên bản kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số /BB-SHP-DHĐCĐ ngày 23/05/2019;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch hoạt động năm 2018	Kết quả hoạt động năm 2018	Kế hoạch hoạt động năm 2019
Tổng sản lượng điện sản xuất	Triệu KWh	614,0	636,6	607
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	590,6	620,4	601,4
Tổng chi phí	Tỷ đồng	427,0	423,0	426,9
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	163,6	197,4	174,5
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	8,2	9,9	8,8
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	155,4	187,5	165,7

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Điều 5. Thông qua Báo cáo chi trả thù lao năm 2018 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Theo đó, mức thù lao năm 2019 (sau thuế thu nhập cá nhân) cho các thành viên như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 15 triệu đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị: 9 triệu đồng/tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát: 9 triệu đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 5 triệu đồng/tháng.

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 (Đvt: tỷ đồng)	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 (Đvt: tỷ đồng)
Lợi nhuận sau thuế năm (1)	187,5	165,7
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước (2)	81,3	99,6
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế cuối năm (3) = (1) + (2)	268,8	265,3
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 5% x (1)	9,4	8,3
Chia cổ tức (17% trên mệnh giá)	159,3	159,3
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	0,5	5% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch nhưng không quá 500 triệu đồng
Lợi nhuận sau khi phân phối còn lại	99,6	97,7

Điều 7. Chỉ định Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc thương thảo và ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán được chỉ định. Trường hợp đàm phán ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán được chỉ định không thành công, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn một đơn vị kiểm toán khác nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và đảm bảo lợi ích cho Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Lê Xuân Hải. Bầu ông/bà:..... làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 – 2022.

Điều 9. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Minh Dũng. Bầu ông/bà:..... làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết này.

2. Nghị Quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ Phần Thủy Điện Miền Nam thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 23/05/2019.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông;
- HĐQT và BKS;
- Công bố trên trang thông tin điện tử SHP;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**

Đoàn Đức Hưng

